Báo cáo thường niên

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE



2025

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát 05
Quá trình hình thành và phát triển 06
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 08
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 10
Định hướng phát triển 14
Các rủi ro 20

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 26
Tổ chức và nhân sự 30
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án 38
Tình hình tài chính 40
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 44
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty 46

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 50
Tình hình tài chính 52
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 54
Kế hoạch phát triển trong năm 2026 55
Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán 57
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty 58

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 62
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty 63
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 63

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 66
Ban Kiểm soát 107
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát 108

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán 114
Báo cáo tài chính được kiểm toán 116

01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
Tên tiếng Anh:	BEN TRE WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	BEWACO
Giấy chứng nhận ĐKDN:	Số 1300107725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 14/12/2006, thay đổi lần thứ 9 ngày 17/10/2025
Vốn điều lệ:	294.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	458.012.065.131 đồng
Địa chỉ:	Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long
Số điện thoại:	(0275) 3811 533 - (0275) 3825 727
Số fax:	(0275) 3827 781
Website:	www.capnuocbentre.vn
Mã cổ phiếu:	NBT
Logo:	

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1992

Ngày 02/12/1992, ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quyết định số 991/QĐ-UB về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty cấp thoát nước Bến Tre trực thuộc Sở Xây dựng Bến Tre.

2006

Ngày 01/06/2006, ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ra quyết định số 1353/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cấp thoát nước Bến Tre thành Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bến Tre. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước từ ngày 01/01/2007.

2015

- Ngày 14/08/2015, ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quyết định số 1580/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre.
- Ngày 24/09/2015, Công ty đã tổ chức đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với giá đấu thành công bình quân là 10.177 đồng/cổ phần.
- Ngày 01/12/2015, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre với vốn điều lệ 280.000.000.000 đồng.

2016

Ngày 01/06/2016 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (mã chứng khoán: NBT) chính thức được giao dịch trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2019

Ngày 02/01/2019 , Công ty thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, nâng vốn điều lệ Công ty lên thành 294.000.000.000 đồng (tăng thêm 14 tỷ đồng) bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu, trong đó, Nhà nước vẫn nắm giữ 64% vốn điều lệ

2020

Ngày 13/03/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

2025

Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

NGÀNH NGHỀ VÀ LĨNH VỰC KINH DOANH

LĨNH VỰC KINH DOANH

1	Sản xuất và cung cấp nước sạch
2	Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai
3	Xây dựng công trình dân dụng
4	Xây dựng công trình công nghiệp, thi công xây lắp, cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp
5	Gia công cơ khí và các sản phẩm dùng cho ngành nước và ngành xây dựng
6	Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước
7	Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh
8	Thi công, xây lắp chuyên ngành cấp thoát nước
9	Thoát nước bẩn, nạo vét và thông tắc cống rãnh
10	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải
11	Dịch vụ tư vấn thiết kế, giám sát, công trình chuyên ngành cấp thoát nước
12	Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế - dự toán, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước

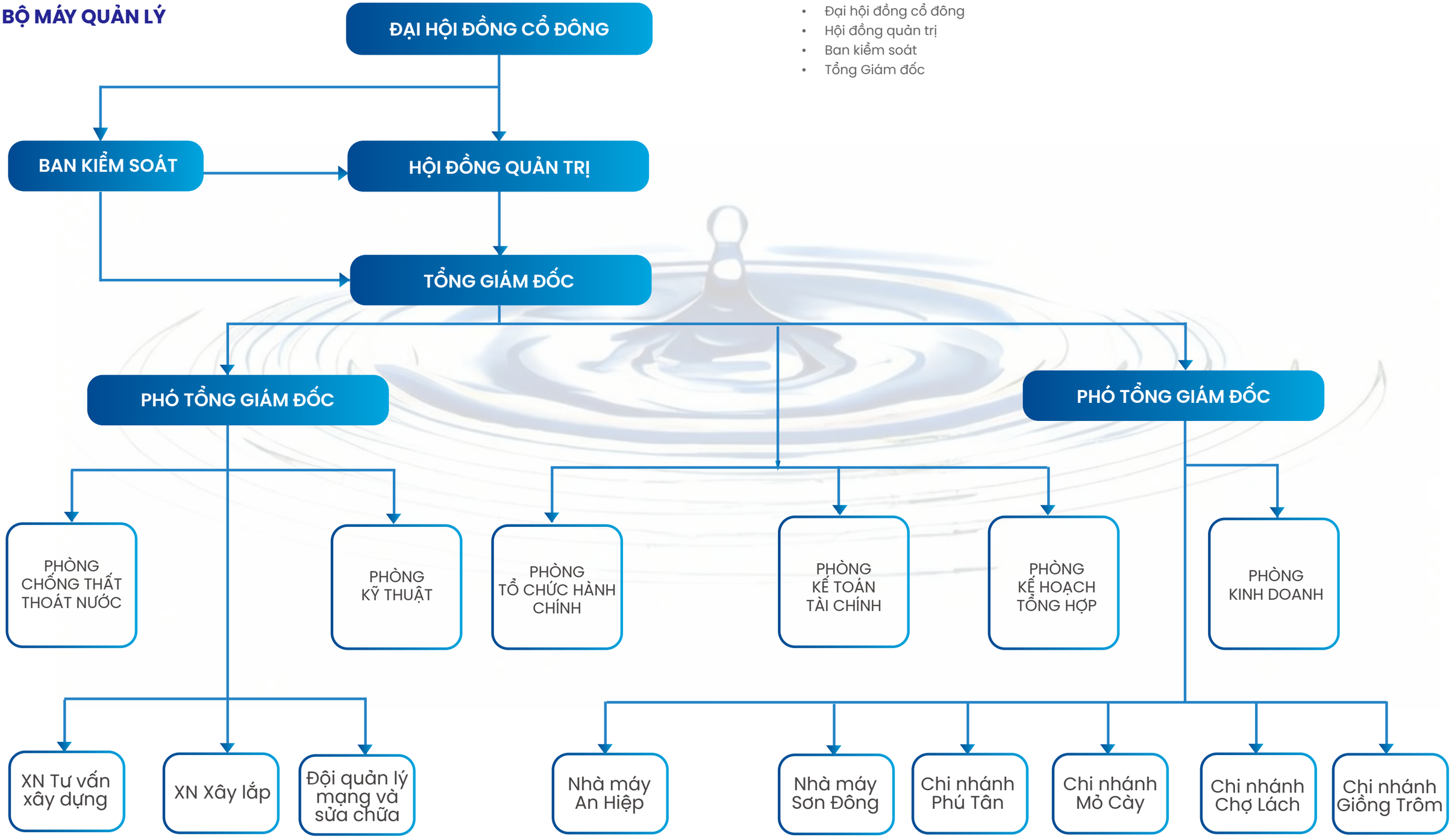


ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động chủ yếu là ở tỉnh Vĩnh Long (Thành phố Bến Tre và 1 số huyện thuộc tỉnh Bến Tre cũ). Hiện nay, Công ty chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ cấp nước tại các xã, phường thuộc tỉnh Vĩnh Long như: Xã Phú Túc, xã Giao Long, xã Giồng Trôm, xã Lương Phú, xã Lương Hòa, xã Châu Hòa, xã Phước Long, xã Hưng Nhượng, xã Tân Thành Bình, xã Phước Mỹ Trung, xã Đồng Khởi, xã Chợ Lách, xã Phú Phụng, xã Vĩnh Thành, phường Phú Tân, phường An Hội, phường Bến Tre, phường Sơn Đông và phường Phú Khương. Trong đó có các Khu công nghiệp Giao Long, An Hiệp; Cụm công nghiệp Long Phước, Phong Nẫm.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

STT	Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp	Số 81A, QL 60, khu phố 1, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long
2	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng	Số 103, đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long
3	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Phú Tân	Số 81A, QL 60, khu phố 1, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long
4	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – cấp nước Giồng Trôm	Số 005, khu phố 3, xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long
5	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – cấp nước Chợ Lách	Ấp Tân Phú, xã Phú Phụng, tỉnh Vĩnh Long
6	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Mỏ Cày	Ấp Mỹ Đức, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Tăng cường năng lực tài chính, quản trị hiệu quả vốn và chi phí; đầu tư đúng trọng tâm vào thiết bị, công nghệ sản xuất nước sạch, vừa đáp ứng thị trường vừa bảo đảm nền tảng bền vững giữa chi phí đầu tư và chi phí quản lý.

- Chủ động xây dựng, cập nhật các kịch bản vận hành hệ thống cấp nước ứng phó với diễn biến hạn, mặn hằng năm; tăng cường giám sát chất lượng nước nguồn và nước sau xử lý; đầu tư, áp dụng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ thích hợp để nguồn nước sạch cung cấp cho khách hàng luôn đạt quy chuẩn, góp phần duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục triển khai các chương trình kiểm soát thất thoát nước theo hướng đồng bộ: thay thế tuyến ống xuống cấp, tăng cường kiểm tra phát hiện rò rỉ, chuẩn hóa công tác ghi – đối soát chỉ số, rút ngắn thời gian xử lý sự cố, qua đó giảm nước không doanh thu và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước.

- Hoàn thiện hệ thống thanh toán qua ngân hàng, ví điện tử, các điểm thu hộ và kênh trực tuyến; tăng cường truyền thông, hướng dẫn khách hàng chuyển từ hình thức thu tiền nước tại nhà sang thanh toán điện tử, không dùng tiền mặt. Công ty phấn đấu hàng năm tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, đồng thời kiểm soát tỷ lệ tồn thu ở mức thấp, an toàn.

- Xây dựng đội ngũ quản lý, kỹ sư và công nhân chuyên môn vững, kỷ luật cao; đẩy mạnh đào tạo kỹ thuật ngành nước, chuyển đổi số, quản trị và dịch vụ khách hàng để đáp ứng yêu cầu phát triển mới.

- Tập trung nguồn vốn đầu tư, cải tiến thiết bị và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất nước sạch để nâng cao hiệu quả quản lý, kinh doanh; đồng thời củng cố ổn định tài chính, phát triển bền vững và đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh bền vững trong trung và dài hạn, chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động đồng thời cân bằng lợi ích giữa cổ đông, khách hàng, người lao động, đối tác và cộng đồng. Gắn mục tiêu kinh doanh với yêu cầu tuân thủ pháp luật, ổn định tài chính và chất lượng dịch vụ.

- Định hướng tăng trưởng và phát triển doanh nghiệp gắn liền với các mục tiêu phát triển KTXH, an sinh xã hội và lợi ích cộng đồng tại địa phương. Đẩy mạnh đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, cung cấp cho các khu dân cư tập trung, các tuyến đường mới, cũng như các khu và cụm công nghiệp, nhằm gia tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng nước sạch và nâng cao chất lượng dịch vụ.Tập trung phân vùng và tối ưu hóa hệ thống mạng lưới cấp nước, triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống thất thoát nước, ứng dụng công nghệ hiện đại trong giám sát áp lực và phát hiện rò rỉ đường ống, đồng thời xây dựng, thực hiện kế hoạch thay thế các tuyến ống cũ, xuống cấp nhằm kiểm soát chất lượng nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước và hạn chế rủi ro sự cố.





- Nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ quản lý và chất lượng nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn ngành nước, quản trị doanh nghiệp, tài chính và công nghệ, gắn phát triển nhân sự với lộ trình chuyển đổi số và hiện đại hóa sản xuất. Xác định yếu tố con người là chủ đạo, then chốt trong mọi hoạt động tại đơn vị.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, không ngừng cải tiến phương thức làm việc, khuyến khích người lao động đề xuất sáng kiến, giải pháp kỹ thuật và quản lý, gắn kết kết quả sáng kiến với công tác thi đua – khen thưởng, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động và thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty.

- Thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao chất lượng, dịch vụ chăm sóc khách hàng, mở rộng các kênh cung cấp dịch vụ và thanh toán điện tử, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khách hàng, ghi – thu tiền nước và chăm sóc khách hàng đa kênh, hướng tới mô hình doanh nghiệp cấp nước vận hành ngày càng chuyên nghiệp, minh bạch và tiện ích.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

- Với vai trò là doanh nghiệp sản xuất và cung cấp nước sạch, Công ty luôn ý thức rõ trách nhiệm trong việc bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường và tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về tài nguyên nước. Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt chú trọng đến việc quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, đảm bảo cung cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn chất lượng cho người dân trong khu vực phục vụ.
- Trước tình hình biến đổi đổi khí hậu ngày càng gay gắt, nguồn nước thô luôn luôn có nguy cơ cao bị cạn kiệt và ô nhiễm (khô hạn, xâm nhập mặn, ...) và với kinh nghiệm ứng phó hạn mặn trong các năm qua, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quan trắc, giám sát nguồn nước từ xa, bảo đảm nước sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCĐP 01:2022/BTr).
- Công ty xác định nước sạch là mặt hàng thiết yếu đặc biệt và cam kết đặt lợi ích cộng đồng lên hàng đầu, không đánh đổi chất lượng nước và môi trường vì mục tiêu kinh tế. Toàn bộ quy trình sản xuất, cung cấp nước và xử lý chất thải trong qui trình sản xuất đều được thực hiện nghiêm túc theo quy định, bảo đảm an toàn và bền vững.





MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- Công ty luôn quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của cán bộ, nhân viên, đồng thời triển khai các chương trình trách nhiệm xã hội nhằm nâng cao phúc lợi cho người lao động và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của cộng đồng tại tỉnh Vĩnh Long nói chung và vùng phục vụ của Công ty nói riêng.
- Đồng thời, BEWACO cam kết tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Công ty chủ động tham gia và tổ chức các hoạt động đoàn thể, tình nguyện cũng như các chương trình công tác xã hội, với mục tiêu mang lại những hỗ trợ thiết thực, góp phần cải thiện đời sống cộng đồng.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Trong năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp do xung đột địa chính trị kéo dài, xu hướng bảo hộ thương mại và tác động đến thương mại, chuỗi cung ứng, giá năng lượng, lương thực, dù áp lực lạm phát đã dần hạ nhiệt và thương mại hàng hóa có dấu hiệu cải thiện. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 khoảng 3,2%, chỉ giảm nhẹ so với mức 3,3% của năm 2024. Tại Việt Nam, kinh tế vĩ mô cơ bản duy trì ổn định, GDP năm 2025 ước tính tăng khoảng 8,02% so với năm trước, thể hiện dư địa tăng trưởng và khả năng chống chịu của nền kinh tế trong bối cảnh thế giới còn nhiều bất định.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối nước sạch với địa bàn phục vụ (thị trường tiêu thụ) hạn hẹp , nhưng ít nhiều Công ty cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố biến động chính trị và kinh tế của thế giới; Đó là, nhu cầu, sản lượng sử dụng nước của đối tượng sử dụng nước cho mục đích sản xuất trong các Khu - Cụm công nghiệp, của đối tượng sử dụng nước cho mục đích kinh doanh dịch vụ đều bị giảm sút; Sáp nhập xã phường, bỏ cấp cấp huyện và sáp nhập tỉnh cũng đã tác động giảm nhu cầu sử dụng nước của đối tượng sử dụng nước cho mục đích cơ quan hành chính, sự nghiệp. Dù nước sạch là mặt hàng thiết yếu gắn liền với đời sống người dân và sự phát triển kinh tế – xã hội, nhưng trong năm 2025 sản lượng nước ghi thu chỉ tăng trưởng 0,124% so với năm 2024. Ngoài ra, Công ty còn chịu sự tác động của tăng chi phí đầu vào như tăng đơn giá nguyên nhiêu liệu, suất đầu tư xây dựng cơ bản và nhân công tăng,....

Để giảm thiểu rủi ro kinh tế, Công ty theo dõi chặt chẽ diễn biến kinh tế trong nước và trên địa bàn sau sắp xếp đơn vị hành chính; phối hợp với cơ quan quản lý trong cập nhật quy hoạch đô thị, khu – cụm công nghiệp và hạ tầng cấp nước để xây dựng kế hoạch đầu tư, mở rộng mạng lưới và cơ cấu lại danh mục khách hàng phù hợp. Đồng thời, Công ty tăng cường quản trị chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và chủ động xây dựng các kịch bản vận hành theo từng bối cảnh, nhằm duy trì hoạt động ổn định và phát triển bền vững trong trung và dài hạn





RỦI RO VỀ GIÁ ĐẦU VÀO

Trong hoạt động sản xuất và phân phối nước sạch, Công ty chịu rủi ro từ biến động chi phí đầu vào như điện năng, hóa chất xử lý nước, vật tư, nhân công và chi phí vận hành. Đáng chú ý, chi phí điện chiếm tỷ trọng lớn nên việc tăng giá điện đã làm tăng giá vốn hàng bán và gây áp lực lên hiệu quả kinh doanh, giảm lợi nhuận.

Để ứng phó với rủi ro này, BEWACO cần chủ động theo dõi diễn biến chi phí đầu vào và xây dựng định hướng linh hoạt nhằm đưa ra các chiến lược phù hợp. Công ty tập trung tối ưu quy trình vận hành, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiết kiệm điện, tìm kiếm nguồn vật tư hợp lý và tăng cường quản trị rủi ro để duy trì hoạt động ổn định, bền vững.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Cũng giống như các doanh nghiệp khác, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre cũng chịu ảnh hưởng từ hệ thống pháp luật và các văn bản dưới luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Tài nguyên nước, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các nghị định, thông tư hướng dẫn. Chính vì thế, việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định này có thể ảnh hưởng đến môi trường hoạt động của Công ty.

Việc sáp nhập xã phường, sáp nhập các sở ngành cấp tỉnh, sáp nhập tỉnh nên trong giải quyết các thủ tục hành chính có lúc, có nơi còn chậm; năng lực tổ chức thực hiện và thừa hành của cán bộ chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ mới; việc phân quyền, phân cấp và trách nhiệm cũng chưa nắm bắt để đồng bộ, nên còn rụt rè trong giải quyết.

Để hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty tăng cường công tác pháp chế, thường xuyên cập nhật quy định mới, rà soát hợp đồng và quy trình nội bộ, đồng thời chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp, bảo đảm tuân thủ pháp luật và duy trì hoạt động ổn định, bền vững.

Bên cạnh đó, Luật Cấp thoát nước dự kiến ban hành năm 2026 được kỳ vọng tháo gỡ bất cập của ngành, nhất là cơ chế giá nước chưa phản ánh đủ chi phí, từ đó có thể giúp Công ty cải thiện doanh thu.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO (TIẾP THEO)

RỦI RO THẤT THU, THẤT THOÁT

Thất thu, thất thoát nước là một trong những rủi ro trọng yếu, không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của BEWACO mà còn gây lãng phí nguồn tài nguyên quốc gia. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ rò rỉ, vỡ ống ngầm, hư hỏng trong quá trình thi công cải tạo mạng lưới, sai số đo lường của đồng hồ, trộm cắp sử dụng nước trái phép, thiên tai và các sự cố môi trường,...

Trước tình hình đó, Đảng ủy và Ban QLĐH định phòng chống thất thoát, thất thu nước luôn là nhiệm vụ trọng tâm hàng năm; để giảm thiểu rủi ro thất thu, thất thoát nước, BEWACO luôn đặt mục tiêu nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực tổ chức và năng lực thực hiện của các cá nhân trong công tác phòng chống thất thất thoát, thất thu nước; nâng cấp, cải tạo hệ thống đường ống, kiểm tra và bảo trì các đồng hồ đo lường. Bên cạnh đó Công ty cũng tăng cường kiểm soát và xử lý các vi phạm đối với sử dụng nước trái phép. Những nỗ lực này không chỉ giúp giảm dần tỷ lệ thất thoát, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và thúc đẩy phát triển bền vững cho Công ty mà còn bảo vệ nguồn tài nguyên nước quốc gia.





RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro đã được nhận diện, Công ty còn đối mặt với các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố kỹ thuật, dịch bệnh và tai nạn lao động, có thể gây gián đoạn hoạt động sản xuất, ảnh hưởng đến an toàn người lao động, tài sản và hệ thống cấp nước. Biến đổi khí hậu làm thời tiết cực đoan tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có xu hướng gia tăng, nên rủi ro này càng cần được chú trọng kiểm soát. Sự thiếu trách nhiệm của các đối tác cung cấp nước sạch bán sỉ cho Công ty cũng gây ra những rủi ro cho Công ty.

Để hạn chế tác động bất lợi, Công ty duy trì tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; tổ chức diễn tập định kỳ, kiểm tra, bảo trì hệ thống thiết bị, công trình, đặc biệt tại các nhà máy nước, trạm bơm và kho hóa chất. Đồng thời, Công ty chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản và con người thông qua việc ký kết các hợp đồng bảo hiểm phù hợp, nhằm giảm thiểu thiệt hại tài chính nếu rủi ro xảy ra và góp phần bảo đảm sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Biến đổi khí hậu, nước biển dâng và suy giảm nguồn nước ngọt từ thượng nguồn sông Mê Kông, làm tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long ngày càng nghiêm trọng. Từ năm 2016 và từ năm 2020 đến này thì năm nào khu vực Bến Tre (nay thuộc Vĩnh Long sau sắp xếp) đều chịu ảnh hưởng nặng bởi xâm nhập mặn, với xâm nhập mặn đến sớm, vào sâu và kéo dài, làm tăng nguy cơ thiếu nước ngọt cho sinh hoạt và sản xuất.

Đối với Công ty, xâm nhập mặn là rủi ro môi trường đặc thù, có thể gây gián đoạn khai thác tại các trạm bơm nước thô, làm tăng chi phí bơm chuyền nước từ sông lớn để bổ cập duy trì nguồn nước thô cho các nhà máy nước được ổn định sản xuất, xử lý và mua bổ sung nguồn nước ngọt, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sau xử lý nếu không được kiểm soát chặt chẽ.

Để ứng phó với tình hình trên, Công ty tiếp tục phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các đơn vị quản lý trong việc vận hành hệ thống cống ngăn mặn, trữ ngọt; duy trì quan trắc độ mặn tại các sông, kênh cấp nước thô bằng cả thiết bị đo online và đo thủ công, chủ động điều chỉnh phương án lấy nước theo diễn biến mặn – ngọt. Công ty từng bước nâng cao năng lực hạ tầng ứng phó hạn, mặn như tăng cường khả năng trữ nước, cải thiện công nghệ xử lý, bố trí linh hoạt nguồn cấp giữa các nhà máy và tuyến ống liên vùng, đồng thời bảo đảm nước sạch cung cấp cho khách hàng luôn đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCĐP 01:2022/BTr đối với nước sạch sinh hoạt. Song song đó, Công ty tăng cường bảo trì và rà soát tác động môi trường để đảm bảo chất lượng nước ổn định, phát triển bền vững.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CƠ CẤU DOANH THU

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/Giảm	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
1	Doanh thu cung cấp nước sạch	240.360	99,18%	240.316	99,33%	-43,90	-0,02%
2	Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước	1.156	0,48%	940,63	0,39%	-214,88	-18,60%
3	Doanh thu từ hoạt động thu phí BVMT	657	0,27%	646,60	0,27%	-10,11	-1,54%
4	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	164,7	0,07%	30,52	0,01%	-134,23	-81,48%
Tổng cộng		**242.337**	**100,00%**	**241.934**	**100,00%**	**-403,12**	**-0,17%**





Cơ cấu doanh thu năm 2025 của Công ty tiếp tục tập trung chủ yếu vào hoạt động cung cấp nước sạch, với giá trị khoảng 240.316 triệu đồng, chiếm 99,33% tổng doanh thu thuần và gần như giữ nguyên so với năm 2024 cả về giá trị lẫn tỷ trọng.

Các mảng doanh thu còn lại chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ và giảm so với năm trước. Sự thu hẹp này cho thấy Công ty đang giảm dần các hoạt động ngoài lõi, tập trung nguồn lực cho cung cấp nước sạch và các dịch vụ gắn trực tiếp với vận hành hệ thống cấp nước, trong bối cảnh nhiều địa phương đang điều chỉnh tăng giá nước và phí thoát nước để bù đắp chi phí vận hành, duy trì hệ thống.

Tổng thể, cơ cấu doanh thu năm 2025 phản ánh mô hình kinh doanh thiên về dịch vụ công ích ổn định, ít biến động theo chu kỳ kinh tế, với động lực tăng trưởng gắn chặt vào nhu cầu nước sinh hoạt và sản xuất tại địa bàn phục vụ. Điều này vừa tạo nền tảng tương đối ổn định cho dòng tiền, vừa đặt ra yêu cầu Công ty phải tiếp tục nâng cao hiệu quả vận hành, quản trị chi phí và tận dụng lộ trình điều chỉnh giá nước, phí môi trường, trong khi duy trì vai trò doanh nghiệp hạ tầng thiết yếu trong hệ thống cấp thoát nước của địa phương.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH 2025/KH 2025	TH 2025/TH 2024
1	Sản lượng nước ghi thu	m^3	22.939.605	22.450.000	22.968.056	102,31%	100,12%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	242.337	238.000	245.870	103,31%	101,46%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	69.740	58.000	65.309	112,60%	93,65%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	57.778	48.000	54.020	112,54%	93,50%
5	Tổng vốn đầu tư XDCB	Triệu đồng	30.413	90.560	45.133	49,84%	148,40%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	47.027	42.814	53.673	125,36%	114,13%
6.1	*Nộp cổ tức của phần vốn nhà nước*	*Triệu đồng*	*22.579*	*20.698*	*30.106*	*145,45%*	*133,34%*
6.2	*Nộp các loại thuế, phí*	*Triệu đồng*	*24.448*	*22.116*	*23.567*	*106,56%*	*96,40%*
7	Tỷ suất LN sau thuế /VĐL	%	0,20	0,16	0,18	112,5%	90%
8	Tỷ lệ thất thoát nước	%	17,55	≤15	17,74	Tăng 2,74%	Tăng 0,19%

Tình hình xâm nhập mặn đầu năm 2025 diễn ra sớm, tuy không gay gắt như năm 2024, nhưng vẫn ảnh hưởng đến nguồn nước thô tiếp nhận tại các Nhà máy nước. Công ty đã chủ động lập Kế hoạch ứng phó và tổ chức thực hiện các công việc theo đúng kế hoạch đặt ra nhằm đảm bảo có nguồn nước ngọt để cung cấp cho khách hàng trong vùng phục vụ. Công ty thực hiện điều tiết nguồn nước ngọt thông qua hệ thống các cống đập ngăn mặn, phối hợp lắp đặt và vận hành các thuyền bơm để lấy được nguồn nước có độ mặn thấp nhất phục vụ sản xuất nước sạch cung cấp cho khu vực thành phố Bến Tre và các huyện Châu Thành, Giồng Trôm, Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc.

Trong những tháng hạn mặn nhu cầu sử dụng nước của người dân tăng cao gây quá tải trên hệ thống làm xảy ra tình trạng thiếu nước cục bộ ở cuối mạng lưới cấp nước khu vực thuộc địa bàn huyện Giồng Trôm, thành phố Bến Tre và một số xã thuộc khu vực huyện Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc. Công ty tiếp tục thực hiện mua nước sạch của Công ty TNHH cấp nước Mỏ Cày qua đồng hồ tổng 50 ly để bổ sung áp lực cho khu vực xã Định Thủy, Phước Hiệp huyện Mỏ Cày Nam; thuê xe tải chở nước và châm nước vào các bồn chứa nước nhằm cải thiện áp lực cho các khu vực huyện Giồng Trôm, xã Sơn Phú, Phước Long (giáp thành phố Bến Tre cũ) và xã Định Thủy (huyện Mỏ Cày Nam cũ), xã Tân Thành Bình, Phước Mỹ Trung (huyện Mỏ Cày Bắc cũ). Kết thúc mùa khô 2024 - 2025, Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ chính trị, thực hiện các giải pháp ứng phó hạn mặn hiệu quả, chủ động nguồn nước ngọt đảm bảo sản xuất, cung cấp nước sau xử lý đạt chất lượng, có độ mặn không vượt giới hạn cho phép, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất và sinh hoạt của người dân trong vùng phục vụ.

Cùng với công tác ứng phó hạn mặn, công tác phòng chống thất thoát, thất thu nước sạch luôn là nhiệm vụ được quan tâm hàng đầu. Với quyết tâm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước toàn Công ty, Ban điều hành duy trì tổ chức định kỳ các cuộc họp giao ban về phòng chống thất thoát, thất thu nước sạch từ đó đề ra các giải pháp, chia sẻ kinh nghiệm, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc quan tâm thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong công tác phòng chống thất thoát nước, tăng cường dò tìm ống bể, thực hiện kiểm tra theo dõi tỷ lệ thất thoát nước, phấn đấu kéo giảm tỷ lệ thất thoát cho toàn Công ty theo kế hoạch đã đặt ra. Mặc dù đã thực hiện rất nhiều giải pháp và tăng cường dò tìm, xử lý nhanh các trường hợp ống bể trên toàn mạng lưới tuy nhiên kết quả đến cuối năm 2025 tỷ lệ thất thoát nước toàn Công ty là 17,74%, tăng không mong muốn 2,74% so với kế hoạch đặt ra và tăng 0,19% so với thời điểm cuối năm 2024.

Trong năm 2025, công tác đầu tư xây dựng cơ bản được Ban quản lý điều hành quan tâm chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả. Đến cuối năm 2025 tổng giá trị đầu tư XDCB đạt 45,13/90,56 tỷ đồng (đạt 49,8%) với tiến độ thực hiện 27/34 công trình, góp phần cải thiện áp lực, nâng cao chất lượng nước, phát triển mở rộng hơn 86 km đường ống các loại tại các khu vực thành phố Bến Tre (cũ), huyện Giồng Trôm (cũ), huyện Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc (cũ) và khu vực huyện Chợ Lách (cũ), phát triển thêm 2.800 khách hàng mới, giúp Công ty hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra của năm 2025.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thanh Bình	TV.HĐQT, Tổng Giám đốc	3.822.000	13%	6.300	0,021%
2	Phan Thanh Bình	TV.HĐQT, Phó Tổng giám đốc	-	-	1.365	0,005%
3	Phan Thành Nhân	Phó Tổng giám đốc	-	-	17.115	0,06%
4	Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	-	-	20.865	0,071%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2025

Không có



LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG TRẦN THANH BÌNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày sinh: 29/09/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Cao đẳng Cấp thoát nước; Kỹ sư kỹ thuật công trình
- Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long

» Quá trình công tác:

04/2005 – 12/2010	Nhân viên Đội thi công – Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2011 – 02/2013	Nhân viên Xí nghiệp Xây lắp – Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
03/2013 – 12/2016	Đội trưởng Đội Quản lý mạng và sửa chữa – Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2017 – 12/2018	Trưởng phòng Chống thất thoát nước – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2019 – 10/2019	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
11/2018 – 12/2022	TV HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2023 – Nay	TV HĐQT – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- *Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
- *Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
- *Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG PHAN THANH BÌNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày sinh: 12/04/1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân cao đẳng Cấp thoát nước; Cử nhân Quản trị kinh doanh; Kỹ sư kỹ thuật công trình
- Địa chỉ: Ấp An Hòa, xã Ba Tri, tỉnh Vĩnh Long

- Quá trình công tác:

2007 – 2010	Nhân viên Phòng Kỹ thuật – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
2010 – 2015	Nhân viên Xí nghiệp Tư vấn xây dựng – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
2015 – 2018	Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Chợ Lách trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2018 – 12/2018	Trưởng phòng Kinh doanh, trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2019 – 12/2022	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2023 - Nay	TV HĐQT - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

  - *Sở hữu cá nhân: 1.365 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ*
  - *Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
  - *Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG PHAN THÀNH NHÂN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày sinh: 20/11/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng, Ths. Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ: 87B1, Khu phố 1, Phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long

- Quá trình công tác:

24/4/2002 - 29/7/2015	CB. Kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre
30/7/2015 - 26/7/2020	Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Mỏ Cày, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
27/7/2020 - 05/2023	TP. Phòng kỹ thuật, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
01/6/2023 - Nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

  - *Sở hữu cá nhân: 17.115 cổ phiếu, chiếm 0,06% vốn điều lệ*
  - *Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
  - *Người có liên quan: 3.360 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ*

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

BÀ VÕ THỊ THIÊN TRANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Ngày sinh: 15/03/1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Kế toán
- Địa chỉ: Số 509A/2, Phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long

» Quá trình công tác:

07/1999 – 01/2000	Nhân viên phòng Kinh doanh Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
02/2000 – 03/2007	Kế toán tổng hợp Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
04/2007 – 11/2015	Phó phòng Kế toán kiêm kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre.
01/12/2015 – nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- *Sở hữu cá nhân: 20.865 cổ phần, chiếm 0,071% vốn điều lệ*
- *Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
- *Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

CƠ CẤU CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Tổng: 276 lao động *Tính đến ngày 31/12/2025*

STT	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	**Theo trình độ**	**276**	**100**
1	Trên đại học	04	1,45
2	Đại học, cao đẳng	105	38,04
3	Trung cấp	46	16,67
4	Công nhân kỹ thuật	112	40,58
5	Lao động phổ thông	09	3,26
II	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**276**	**100**
1	Thuộc diện không ký HĐLĐ	10	3,62
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	266	96,38
3	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
4	Hợp đồng theo thời vụ	-	-
III	**Theo giới tính**	**276**	**100**
1	Nam	214	77,54
2	Nữ	62	23,46

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025
Thu nhập bình quân	9.000.799	9.832.621	11.237.000	10.500.000

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều kiện và chế độ làm việc

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre luôn coi việc xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp và thân thiện là một trong những ưu tiên hàng đầu. Công ty trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị làm việc và dụng cụ bảo hộ lao động đạt chuẩn, bảo đảm điều kiện làm việc phù hợp với tính chất đặc thù của ngành nước. Đồng thời, Công ty tổ chức thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi phù hợp quy định của pháp luật lao động, duy trì thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động; khuyến khích tinh thần trách nhiệm, tính chủ động và sự gắn kết trong tập thể, tạo điều kiện để mỗi cán bộ, công nhân viên phát huy tốt năng lực, đóng góp vào sự phát triển bền vững của Công ty.





Chính sách tuyển dụng và phát triển nhân sự

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt nên xây dựng chính sách tuyển dụng và phát triển nhân sự theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và dài hạn; tuyển dụng trên cơ sở nhu cầu thực tế, tiêu chuẩn chức danh và năng lực chuyên môn, bảo đảm công khai và lựa chọn được ứng viên phù hợp. Đồng thời, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý và vận hành công nghệ, khuyến khích tự học, gắn kết quả đào tạo với công tác đánh giá, bố trí, sử dụng và đãi ngộ, qua đó tạo động lực để người lao động gắn bó, phát huy năng lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Công ty thực hiện chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi trên cơ sở tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật, gắn với kết quả công việc, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và trách nhiệm của từng vị trí, bảo đảm công bằng, minh bạch. Hàng năm, Công ty tổ chức đánh giá hiệu quả làm việc để làm căn cứ điều chỉnh thu nhập, xét khen thưởng và các chế độ khuyến khích; đồng thời duy trì chế độ phúc lợi, bảo hiểm và chăm lo đời sống người lao động, khuyến khích cán bộ, công nhân viên đề xuất sáng kiến, cải tiến, qua đó nâng cao hiệu quả công việc và tăng cường sự gắn bó với Công ty.





Chính sách đào tạo

Công ty luôn đặt trọng tâm vào việc xây dựng và duy trì một đội ngũ nhân viên có trình độ cao thông qua các chương trình đào tạo bài bản và những hoạt động chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm. Bên cạnh đó, công ty thường xuyên tổ chức các khóa học nâng cao kỹ năng và chuyên môn cho công nhân, giúp họ làm quen với những công nghệ tiên tiến nhất. Nhờ vậy, mọi nhân viên đều được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết, góp phần nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy sự phát triển lâu dài của công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2025, công tác đầu tư xây dựng cơ bản được Ban điều hành quan tâm chỉ đạo thực hiện có hiệu quả.

27/34

Hoàn thành

Hạng mục công trình

theo Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2025

45,13

Tổng giá trị thực hiện

Tỷ đồng

đạt 49,8% kế hoạch

Từ đó, góp phần cải thiện áp lực, nâng cao chất lượng nước, phát triển mở rộng hơn 86 km đường ống các loại tại các khu vực thành phố Bến Tre (cũ), huyện Giồng Trôm (cũ), huyện Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc (cũ) và khu vực huyện Chợ Lách (cũ), phát triển thêm 2.800 khách hàng mới, giúp Công ty hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra của năm 2025.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	548.154	528.918	96,49%
2	Doanh thu thuần	242.337	241.934	99,83%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	68.976	62.391	90,45%
4	Lợi nhuận khác	293	2.918	994,53%
5	Lợi nhuận trước thuế	69.269	65.309	94,28%
6	Lợi nhuận sau thuế	57.387	54.020	94,13%
7	Tỷ lệ cổ tức	12%	(*)	-

**) Tỷ lệ cổ tức năm 2025 sẽ được trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026*



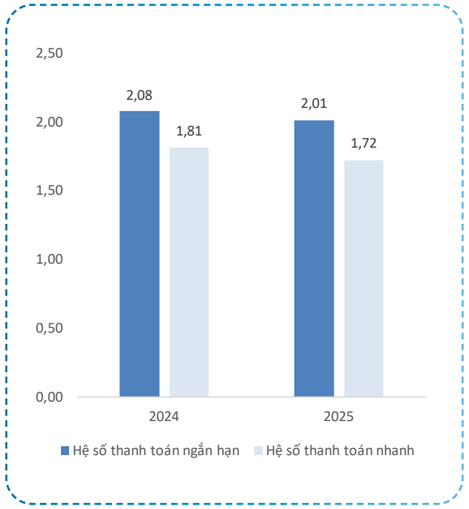


CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,08	2,01
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,81	1,72
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	16,52	13,84
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	19,78	16,07
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,01	7,33
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,44	0,45
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	23,68	22,33
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	12,75	11,83
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	10,43	10,03
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	28,46	25,79

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

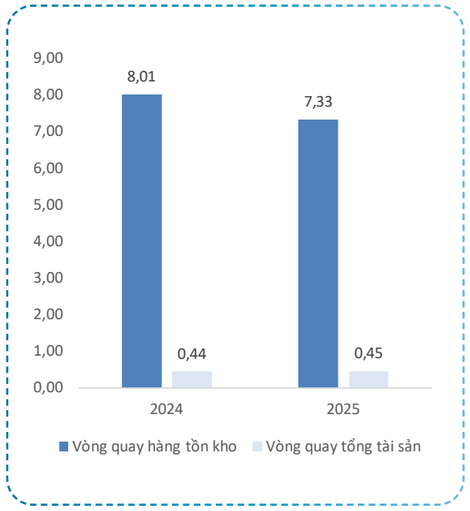
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Chỉ tiêu khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2025 tiếp tục được duy trì ở mức tốt và an toàn. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 2,01 lần so với 2,08 lần năm 2024 và hệ số thanh toán nhanh đạt 1,72 lần so với 1,81 lần năm 2024. Sự điều chỉnh nhẹ này chủ yếu do quy mô tiền và các tài sản có tính thanh khoản cao giảm tương đối trong kỳ, trong khi các nghĩa vụ ngắn hạn được kiểm soát ở mức hợp lý. Mặc dù có sự điều chỉnh nhẹ so với năm trước, các chỉ số này vẫn cao hơn ngưỡng an toàn thông thường, cho thấy Công ty hoàn toàn chủ động trong việc đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, đồng thời duy trì nền tảng thanh khoản vững chắc.

Với đặc thù ngành cấp nước có dòng thu từ khách hàng tương đối đều đặn và ít chịu tác động mạnh của chu kỳ kinh tế, việc duy trì khả năng thanh toán ở mức trên 2 lần giúp Công ty chủ động hơn trước biến động về chi phí đầu vào hay các rủi ro thiên tai và xâm nhập mặn.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



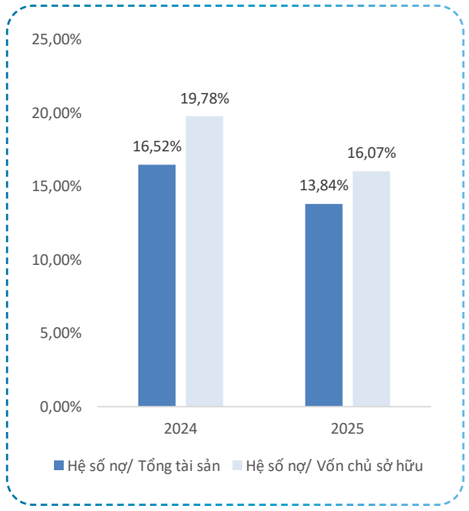
Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động năm 2025 cho thấy Công ty sử dụng tài sản hiệu quả hơn khi vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,44 lên 0,45 vòng. Doanh thu thuần giảm nhẹ 0,17% nhưng nhìn chung vẫn duy trì ổn định, trong khi tổng tài sản bình quân giảm do Công ty sử dụng tiền mặt cho trả nợ, chi cổ tức và đầu tư.

Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 8,01 còn 7,33 vòng, phản ánh chủ trương duy trì mức dự trữ vật tư, ống, phụ tùng và hóa chất cao hơn để bảo đảm an toàn vận hành và sẵn sàng xử lý sự cố trên mạng lưới cấp nước. Với đặc thù hệ thống cấp nước phải vận hành liên tục và chịu rủi ro thời tiết, xâm nhập mặn cũng như gián đoạn chuỗi cung ứng vật tư, việc chấp nhận tồn kho lớn hơn là sự đánh đổi hợp lý giữa hiệu quả chỉ số và độ tin cậy dịch vụ.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu cơ cấu vốn của Công ty năm 2025 cho thấy mức độ phụ thuộc vào nợ giảm rõ rệt so với 2024, cụ thể: hệ số nợ trên tổng tài sản từ 16,52% còn 13,84%, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu từ 19,78% còn 16,07%. Diễn biến này cho thấy Công ty đang từng bước giảm mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính, nâng cao tính tự chủ về vốn.

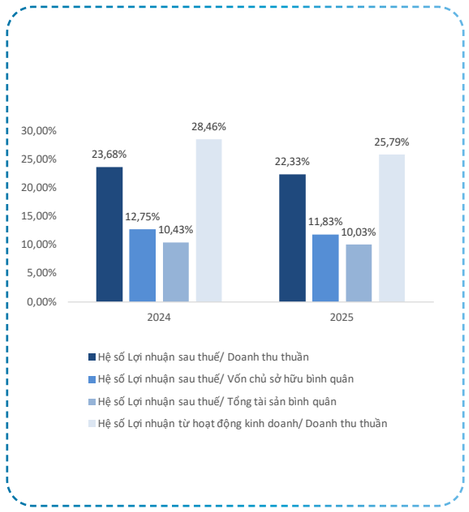
Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty chủ động thu hẹp các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ. Trong bối cảnh lãi suất vẫn là một yếu tố chi phí đáng kể và ngành nước cần nguồn vốn lớn cho đầu tư hạ tầng, việc chủ động giảm nợ cho thấy định hướng ưu tiên an toàn tài chính, qua đó hạn chế rủi ro lãi suất và khả năng gánh nặng trả nợ trong tương lai.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu sinh lời của Công ty năm 2025 tiếp tục duy trì ở mức cao và tương đối ổn định so với năm 2024. Biên lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần giảm nhẹ từ 23,68% còn 22,33%; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu giảm từ 12,75% còn 11,83%, và tỷ suất trên tổng tài sản bình quân giảm từ 10,43% còn 10,03%. Sự điều chỉnh này chủ yếu do chi phí sản xuất tăng trong bối cảnh điều kiện thời tiết và xâm nhập mặn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến nguồn nước đầu vào và làm gia tăng chi phí xử lý nước.

Mặc dù vậy, các chỉ tiêu sinh lời vẫn duy trì ở mức tốt, cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục ổn định, phản ánh khả năng kiểm soát chi phí và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để tạo giá trị cho cổ đông, ngay cả trong điều kiện khách quan không thuận lợi.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính đến ngày 22/01/2026

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông trong nước**	**295**	**29.255.200**	**99,5%**
1	Nhà nước	01	18.816.000	64%
2	Tổ chức	04	9.531.910	32,4%
3	Cá nhân	290	907.290	3,1%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**09**	**144.800**	**0,5%**
1	Tổ chức	01	48.900	0,17%
2	Cá nhân	08	95.900	0,33%
Tổng cộng (I+II)		**304**	**29.400.000**	**100%**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%



CỔ PHẦN

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/cổ phiếu

01 — Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành: **29.400.000** cổ phiếu

03 — Số lượng cổ phiếu quỹ: **0** cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **29.400.000** cổ phiếu

Mã chứng khoán: **NBT**

02

04

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Danh sách cổ đông lớn trên 5%	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)	18.816.000	64%
2	Công ty CP Cấp thoát nước Thùy Anh	5.109.510	17,38%
3	Công ty TNHH Hoàn Cầu	4.410.000	15,00%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong quy trình sản xuất, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre sử dụng các hóa chất xử lý như CLO và PAC theo đúng quy trình kỹ thuật, luôn tuân thủ nghiêm ngặt quy định về liều lượng, nồng độ nhằm bảo đảm chất lượng và an toàn nước sau xử lý. Bên cạnh đó, Công ty sử dụng ống nhựa HDPE, M-PVC, PVC-O trong đầu tư phát triển mạng lưới ống chuyển tải và phân phối từng bước thay thế các tuyến ống cũ, xuống cấp đồng thời thực hiện xúc xả, vệ sinh định kỳ các tuyến ống trên mạng lưới, kiểm tra thường xuyên các điểm đấu nối. Qua đó hạn chế thất thoát nước và duy trì ổn định chất lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng.





Tiêu thụ năng lượng

Điện là nguồn năng lượng chính trong hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty. Nhằm sử dụng năng lượng hiệu quả và giảm chi phí, Công ty tổ chức điều chỉnh hợp lý chế độ, thời gian vận hành bơm; các công trình Trạm bơm, từng bước thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị có hiệu suất cao, tiết kiệm điện; đồng thời tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng cho cán bộ, công nhân viên trong quá trình làm việc hằng ngày.

Tiêu thụ nước

Công ty luôn chú trọng khai thác và sử dụng tài nguyên nước theo hướng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững. Trước bối cảnh hạn hán, ô nhiễm nguồn nước và xâm nhập mặn ngày càng phức tạp, Công ty tăng cường các giải pháp giảm thất thoát, thất thu nước, tối ưu hóa vận hành hệ thống cấp nước, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước trong cộng đồng, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước và phát triển bền vững.



Tuân thủ pháp luật

Công ty luôn xác định tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là yêu cầu bắt buộc và là trách nhiệm đối với cộng đồng. Công ty tổ chức khai thác, xử lý và xả thải theo đúng quy định hiện hành; quản lý chặt chẽ bùn thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất nước sạch; thực hiện đầy đủ công tác quan trắc, báo cáo môi trường theo hướng dẫn của cơ quan chức năng. Đồng thời, Công ty cũng tích cực tuyên truyền và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ nhân viên, góp phần xây dựng một xã hội xanh, sạch, đẹp.



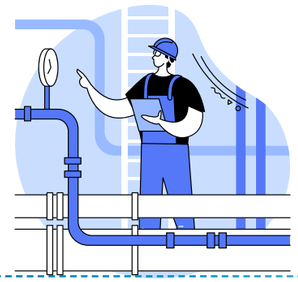


Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty thường xuyên phối hợp với chính quyền và các đoàn thể địa phương tham gia các hoạt động an sinh xã hội như hỗ trợ xây dựng nhà tình thương, ủng hộ các chương trình từ thiện, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hạn mặn và các hoàn cảnh khó khăn khác. Với cam kết không vì lợi ích kinh tế của mình mà bỏ qua lợi ích cộng đồng, BEWACO luôn tích cực tham gia các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR), hỗ trợ các chiến dịch từ thiện và giúp đỡ những người dân gặp khó khăn trong khu vực.

Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre xác định yếu tố con người là nền tảng cho sự phát triển bền vững. Để tạo nên sự thành công cho doanh nghiệp, toàn thể cán bộ, công nhân viên phải có trình độ chuyên môn cao, tinh thần trách nhiệm và tinh thần đoàn kết, hợp tác. Vì vậy, Công ty đặc biệt chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện đội ngũ nhân viên tài năng để thực hiện các mục tiêu đã đề ra.
Công ty tuyển dụng và bố trí nhân sự theo nhu cầu thực tế, tiêu chuẩn chức danh; thường xuyên đào tạo và đánh giá hiệu quả công việc



để sắp xếp hợp lý, gắn trách nhiệm với quyền lợi. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi minh bạch, cạnh tranh và công bằng nhằm giữ chân người lao động và hỗ trợ hoàn thành mục tiêu chung.
Bên cạnh đó, Công ty chăm lo đời sống và sức khỏe người lao động bằng cách bảo đảm môi trường làm việc an toàn, trang bị bảo hộ đầy đủ, khám sức khỏe định kỳ và tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao nội bộ để tăng gắn kết, nâng cao thể lực và tinh thần làm việc.

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong năm 2026

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây

THUẬN LỢI

Năm 2025, sau khi đơn vị hành chính Bến Tre được sáp nhập về tỉnh Vĩnh Long, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của chính quyền tỉnh, nhất là trong bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng hạn – mặn và phát triển hạ tầng đô thị. Sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND, HĐND các cấp và các sở, ban, ngành giúp Công ty thuận lợi hơn trong giải phóng mặt bằng, triển khai dự án, cải tạo mạng lưới, tiếp cận vốn ưu đãi, qua đó duy trì tăng trưởng sản lượng và mở rộng vùng cấp nước sau sáp nhập.

Với việc mỗi thế hệ luôn luôn trao dồi năng lực chuyên môn, truyền đạt kinh nghiệm hoạt động trên 50 năm của đơn vị và cùng với sự am hiểu điều kiện tự nhiên, nên BEWACO đã hình thành hệ thống quản trị tương đối hoàn chỉnh, tích lũy kinh nghiệm trong vận hành nhà máy, kiểm soát thất thoát và ứng phó với rủi ro hạn – mặn đặc thù vùng hạ lưu sông Mekong, giúp biên lợi nhuận gộp duy trì ở mức cao và ổn định qua các năm.

Nhu cầu sử dụng nước sạch tiếp tục tăng theo quá trình đô thị hóa, mở rộng khu công nghiệp và nâng cao mức sống tại Vĩnh Long và khu vực lân cận, trong khi Công ty vẫn giữ vai trò nhà cung cấp chủ lực nên thị trường tương đối ổn định, ít cạnh tranh trực tiếp.

Đội ngũ quản lý và người lao động gắn bó, giàu kinh nghiệm, cùng việc từng bước ứng dụng công nghệ trong đo đếm, giám sát mạng lưới và quản lý khách hàng là nền tảng để Công ty nâng cao hiệu suất vận hành và chất lượng dịch vụ.

KHÓ KHĂN

Năm 2025, tiếp tục đối mặt với hạn hán và xâm nhập mặn, dẫn đến chi phí lớn cho vận hành các công trình ngăn mặn, dự trữ nước ngọt (Trạm bơm nước thô Thành Triệu, Tân Phú), nâng cấp tuyến ống và nâng cấp hệ thống xử lý.

Điều kiện thời tiết cực đoan cũng làm rủi ro sụt lún, vỡ ống, gián đoạn cấp nước tăng lên, buộc Công ty phải duy trì mức đầu tư thường xuyên cao hơn cho bảo trì, thay thế đường ống, trạm bơm và thiết bị đo, trong khi vẫn phải bảo đảm cung cấp nước liên tục cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

Ngoài ra, khung pháp lý về xã hội hóa ngành nước, tiêu chuẩn môi trường và yêu cầu phục vụ công ích đòi hỏi Công ty phải tăng đầu tư cho công nghệ xử lý, chất lượng dịch vụ và hệ thống quản trị. Việc huy động vốn vì vậy cần được cân đối giữa kỳ vọng cổ tức của cổ đông, an toàn tài chính và nhu cầu đầu tư khi địa bàn hoạt động được mở rộng sau sáp nhập.



NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre tiếp tục đầu tư cải tạo và hoàn thiện hệ thống cấp nước, đưa vào sử dụng thêm các hạng mục tuyến ống truyền tải, trạm bơm và cụm xử lý nước sau khi hoàn thành giai đoạn xây dựng cơ bản, qua đó nâng cao độ an toàn cấp nước và khả năng đáp ứng nhu cầu tăng thêm trên địa bàn. Công ty duy trì thay thế đồng hồ nước, ống nhánh bằng sắt rỉ sét và phụ kiện cũ, kết hợp tăng cường khoanh vùng, theo dõi áp lực và xử lý kịp thời các điểm rò rỉ, giúp giá vốn giảm, biên lợi nhuận gộp cải thiện dù doanh thu gần như đi ngang – cho thấy hiệu quả thực chất trong việc giảm thất thoát và tối ưu vận hành.

Công ty tiếp tục khuyến khích khách hàng thanh toán tiền nước qua các kênh không dùng tiền mặt, góp phần giảm tỷ lệ tồn thu và cải thiện dòng tiền về nhanh hơn

Về quản trị, Công ty chú trọng công tác dự báo dòng tiền, cơ cấu lại nợ vay theo hướng giảm mạnh nợ ngắn hạn và dài hạn, qua đó nâng cao sức khỏe tài chính, hệ số nợ trên tổng tài sản giảm còn 13,84% và chi phí lãi vay giảm so với năm trước.

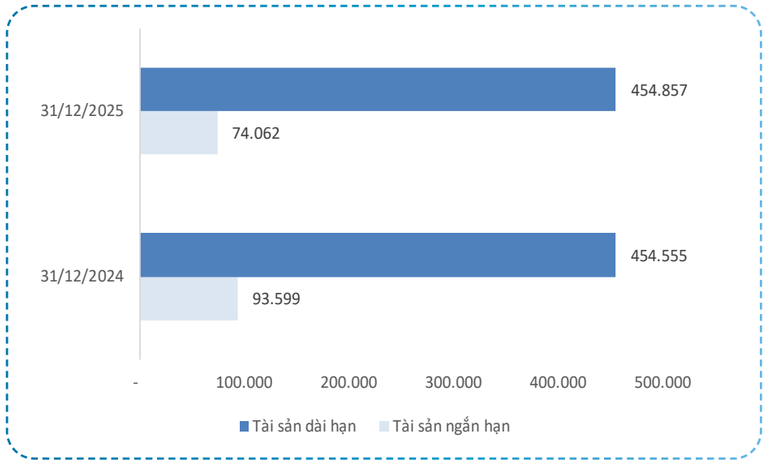
Đồng thời, Công ty tiếp tục rà soát mô hình tổ chức, phân quyền – phân cấp rõ hơn cho các đơn vị trực thuộc, gắn trách nhiệm với hiệu quả sản xuất kinh doanh, và phối hợp với chính quyền địa phương để triển khai các giải pháp ứng phó hạn mặn, bảo vệ nguồn nước thô phục vụ sản xuất. Các bước đi này tạo nền tảng cho hoạt động ổn định, an toàn hơn trong bối cảnh yêu cầu về chất lượng dịch vụ và biến động môi trường ngày càng lớn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		Tăng/Giảm	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
1	Tài sản ngắn hạn	93.599	17,08%	74.062	14,00%	-19.537	-20,87%
2	Tài sản dài hạn	454.555	82,92%	454.857	86,00%	302	0,07%
	Tổng tài sản	**548.154**	**100%**	**528.918**	**100%**	**-19.236**	**-3,51%**



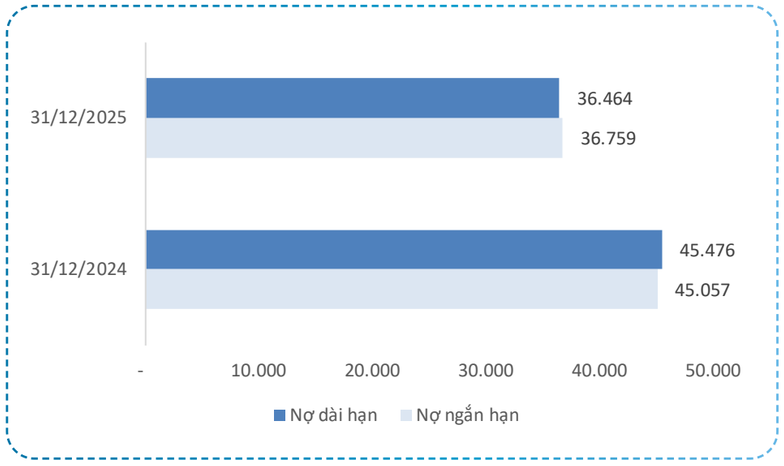
Tổng tài sản của Công ty cuối năm 2025 đạt 528.918 tỷ đồng, giảm khoảng 3,5% so với năm 2024. Cụ thể, tài sản ngắn hạn giảm 20,87% từ 93.599 còn 74.062 tỷ đồng, nguyên nhân chính là tiền và tương đương tiền giảm từ 78,3 tỷ đồng xuống 56,0 tỷ đồng khi công ty dùng dòng tiền kinh doanh để trả nợ gốc vay, chi cổ tức và chi cho đầu tư. Ngược lại, tài sản dài hạn tăng nhẹ 0,07% từ 454.555 tỷ đồng lên 454.857 tỷ đồng, do hoàn thành các dự án hạ tầng như cụm xử lý nước Phú Tân, giúp chuyển dịch giá trị từ xây dựng dở dang sang tài sản cố định và tăng chi phí trả trước dài hạn cho các thiết bị đo.

Cơ cấu tài sản tiếp tục dịch chuyển theo hướng tập trung vào hạ tầng cốt lõi khi tỷ trọng tài sản dài hạn tăng từ 82,92% lên 86%. Dù tỷ trọng tài sản ngắn hạn chỉ còn 14% nhưng thanh khoản vẫn được đảm bảo nhờ lượng tiền và các khoản tương đương tiền chiếm phần lớn giá trị danh mục này. Các khoản phải thu và hàng tồn kho duy trì ở mức rất thấp, cho thấy Công ty quản trị vốn lưu động hiệu quả và ít rủi ro thu hồi nợ, tập trung nguồn lực tối đa vào năng lực sản xuất nước sạch.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		Tăng/Giảm	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
1	Nợ ngắn hạn	45.057	49,77%	36.759	50,20%	-8.297	-18,42%
2	Nợ dài hạn	45.476	50,23%	36.464	49,80%	-9.011	-19,82%
	Tổng nợ	**90.532**	**100%**	**73.224**	**100%**	**-17.309**	**-19,12%**



Tổng nợ phải trả của Công ty cuối năm 2025 đạt 73.224 triệu đồng, giảm khoảng 19,12% so với năm 2024, cho thấy doanh nghiệp chủ động thu hẹp nghĩa vụ nợ trong năm. Nợ ngắn hạn giảm 18,42% từ 45.057 còn 36.759 triệu đồng; nợ dài hạn giảm 19,82% từ 45.476 triệu đồng còn 36.464 triệu đồng, chủ yếu giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính.

Trong đó, cơ cấu nợ phải trả BEWACO năm 2025 có sự thay đổi so với năm trước, tỷ trọng nợ ngắn hạn có sự gia tăng, chiếm 50,20%, trong khi đó nợ dài hạn giảm tỷ trọng, chiếm 49,80%. Điểm tích cực là nợ vay của Công ty phần lớn là các khoản vay dài hạn phục vụ đầu tư hạ tầng với lãi suất ưu đãi. Đồng thời, các khoản phải trả người bán và thuế vẫn được kiểm soát tốt, không phát sinh nợ quá hạn. Cơ cấu này cho thấy BEWACO đang quản trị rủi ro tài chính một cách thận trọng, đảm bảo khả năng thanh toán và duy trì sự ổn định trong hoạt động đầu tư hạ tầng dài hạn.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tập trung cải tiến thủ tục hành chính, tăng cường quản lý sản xuất, kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Công ty cũng đẩy mạnh công tác quản lý, áp dụng các giải pháp công nghệ mới nhằm giảm thiểu tiêu hao vật tư, thực hành tiết kiệm hiệu quả, và nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty thực hiện nhiều biện pháp để phòng ngừa thất thoát nước, bao gồm phân vùng, tách mạng, lắp đặt data logger để giám sát các khu vực, kiểm tra lại hệ thống đường ống cấp nước, thay thế và sửa chữa các ống cũ, vỡ hoặc có nguy cơ rò rỉ.

Công ty tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, thực hiện chuyển đổi, điều chuyển nhân sự giữa các phòng ban để nâng cao hiệu quả và khả năng thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, rà soát và điều chỉnh mức lương của người lao động để đảm bảo tuân thủ mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Nhà nước.

Công ty đẩy mạnh công tác kiểm tra và kỷ luật lao động để thúc đẩy sự phát triển sản xuất, đồng thời nâng cao tinh thần và ý thức trách nhiệm của cán bộ. Công ty cũng tăng cường các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn trong toàn bộ hệ thống.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2026

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2025	KH 2026	% KH 2026/ TH 2025
Sản lượng nước sản xuất	m^3	27.921.191	27.561.330	98,71%
Sản lượng nước ghi thu	m^3	22.968.056	23.427.000	102,00%
Tỷ lệ thất thoát nước	%	17,74	15	84,55%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	245.870	249.200	101,35%
Tổng chi phí	Triệu đồng	180.561	193.500	107,17%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	65.309	55.700	85,29%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	54.020	46.100	85,34%

BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Về quản lý tài chính

Tập trung vào việc phát triển tiềm lực tài chính mạnh mẽ, triển khai các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cung cấp nước và đầu tư thiết bị để tăng sản lượng, từ đó thu hút thêm khách hàng sử dụng dịch vụ.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng cách đầu tư dựa trên nhu cầu thị trường, sử dụng nguồn thu để tái đầu tư phát triển và tối đa hóa công suất của các công trình đầu tư

Về nguồn nhân lực

Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu của các đơn vị và nhiệm vụ chung, tập trung nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, người lao động. Đồng thời, tiếp tục xây dựng môi trường làm việc kỷ cương, chuyên nghiệp, phát huy tinh thần đoàn kết nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành trong giai đoạn mới và hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty rà soát, sắp xếp và sử dụng hiệu quả nguồn lao động; tăng cường quản lý nội quy, quy chế và công tác pháp chế. Đồng thời, đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người lao động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nghiên cứu hoàn thiện cơ chế tiền lương, thưởng theo quy định và kiểm tra việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 tại các đơn vị trực thuộc.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2026 (TIẾP THEO)

BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Về quản lý sản xuất

- Tiếp tục nỗ lực đạt được mức tăng trưởng trong SXKD và đầu tư phát triển hàng năm theo kế hoạch ĐHĐCĐ đã đề ra.
- Đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, liên tục; kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước từ sản xuất đến phân phối, tuân thủ đầy đủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Bộ Y tế.
- Tuân thủ các quy định pháp luật về khai thác, xả thải và bảo vệ môi trường; chủ động thực hiện các giải pháp ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn, đảm bảo an ninh nguồn nước.
- Tăng cường quản lý vận hành hệ thống cấp nước; thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, nâng cao hiệu quả hoạt động của các nhà máy và mạng lưới cấp nước.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; cải tiến quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, tăng cường ứng dụng công nghệ và phần mềm quản lý khách hàng.

- Đẩy mạnh đầu tư cải tạo, nâng cấp và mở rộng mạng lưới cấp nước; phát triển khách hàng, nâng tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch theo kế hoạch.
- Tăng cường các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước, phấn đấu đạt mục tiêu ≤15% vào cuối năm 2026.
- Triển khai thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt, mở rộng các hình thức thanh toán qua ngân hàng và ứng dụng; giảm tỷ lệ tồn thu tiền nước.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, vận hành; áp dụng và duy trì hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.





GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



Về phòng chống thất thoát nước

- Xác định công tác giảm thất thoát nước là nhiệm vụ xuyên suốt, có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục triển khai các giải pháp kỹ thuật, quản lý và đầu tư đồng bộ như: thay thế, cải tạo các tuyến ống cũ xuống cấp; gắn mới và sửa chữa đồng hồ nước; ứng dụng công nghệ trong giám sát, phát hiện rò rỉ; nâng cao trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc trong công tác quản lý mạng lưới cấp nước. Phấn đấu duy trì và từng bước kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước đạt theo kế hoạch đã đề ra.
- Thường xuyên kiểm tra nhằm phát hiện các trường hợp gian lận trong việc sử dụng nước; đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hợp đồng cấp nước; thực hiện phân vùng tách mạng ở các khu vực có tỷ lệ thất thoát cao để kiểm tra, theo dõi và đề xuất giải pháp khắc phục.

- Xây dựng kế hoạch chống thất thoát nước cụ thể từng Quý và có báo cáo kết quả thực hiện; lập kế hoạch cải tạo mạng lưới cấp nước cho từng giai đoạn và triển khai thực hiện có hiệu quả; thường xuyên cập nhật sơ đồ quản lý mạng lưới cấp nước trên tất cả các vùng phục vụ do Công ty quản lý; xây dựng kế hoạch phối hợp với người dân trong việc bảo vệ tài sản mạng lưới đường ống của Công ty; tăng cường trách nhiệm trong công tác trực và xử lý sự cố, đảm bảo phát hiện, sửa chữa nhanh chóng kịp thời khi có thông báo của người dân; duy trì tổ chức các buổi họp giao ban phòng chống thất thoát, thất thu nước sạch và tổng kết, khen thưởng đối với công tác phòng chống thất thoát, thất thu nước sạch.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2025, Ban Điều hành đánh giá các hoạt động của Công ty không gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Công ty tuân thủ nghiêm ngặt quy trình xử lý nước bằng hóa chất Clo, PAC và ưu tiên sử dụng vật liệu bền vững chống ăn mòn như ống nhựa HDPE, u-PVC; trong thời gian tới hướng đến sử dụng ống nhựa chống ăn mòn và có độ bền cao như M-PVC, PVC-0. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh bảo dưỡng, thay thế mạng lưới ống cũ nhằm giảm thất thoát tài nguyên và duy trì ổn định chất lượng nước sạch. Hoạt động thu phí bảo vệ môi trường và nộp thuế tài nguyên được thực hiện đầy đủ, phản ánh việc khai thác, xả thải tuân thủ đúng pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, Công ty tập trung tối ưu hóa điện năng bằng cách điều chỉnh thời gian vận hành tối ưu và thay thế thiết bị mới tiết kiệm điện. Trước áp lực xâm nhập mặn ngày càng phức tạp, Công ty tăng cường các giải pháp kỹ thuật và đầu tư thiết bị đo lường để bảo đảm an ninh nguồn nước. Những nỗ lực này không chỉ góp phần phát triển bền vững mà còn giúp Công ty duy trì các ưu đãi thuế thu nhập liên quan đến dự án bảo vệ môi trường.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2025, Ban Điều hành nhận thấy Công ty đã duy trì các chế độ chính sách (tiền lương, tiền ăn giữa ca, Bảo hiểm,...) liên quan đến người lao động. Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách và quyền lợi của cán bộ, công nhân viên thông qua việc chi trả tiền lương, thưởng và trích lập các quỹ phúc lợi đúng quy định.

Công ty duy trì các chính sách lương, thưởng phù hợp, gắn liền với mức độ hoàn thành nhiệm vụ và tạo điều kiện cho các cá nhân, tập thể có các sáng kiến đột phá trong sản xuất kinh doanh. Trong năm qua, Công ty tiếp tục triển khai các biện pháp hỗ trợ, đào tạo bài bản giúp người lao động nâng cao tay nghề và tiếp cận công nghệ tiên tiến. Đồng thời, Công ty đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và xây dựng môi trường làm việc lành mạnh cho toàn thể nhân viên.





ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong năm 2025, Ban Điều hành nhận thấy Công ty đã duy trì tốt trách nhiệm đối với cộng đồng thông qua việc cung cấp dịch vụ hạ tầng thiết yếu và đảm bảo an sinh xã hội. Công ty thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương tham gia xây dựng nhà tình thương, ủng hộ các chương trình từ thiện và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hạn mặn.

Với cam kết hài hòa giữa lợi ích kinh tế và lợi ích cộng đồng, BEWACO luôn tích cực triển khai các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR) và giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong khu vực. Những nỗ lực này không chỉ góp phần ổn định an ninh nguồn nước mà còn khẳng định vai trò của doanh nghiệp trong việc xây dựng môi trường sống lành mạnh và bền vững cho địa phương.

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức về nguồn nước do hạn hán, xâm nhập mặn, đồng thời thực hiện việc điều chỉnh đơn vị hành chính khi địa bàn Bến Tre được sắp xếp về tỉnh Vĩnh Long mới, làm phát sinh thêm yêu cầu phối hợp, tổ chức lại hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ. Trong bối cảnh đó, Công ty vẫn duy trì cấp nước an toàn, liên tục cho người dân và khách hàng doanh nghiệp, đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn, góp phần ổn định đời sống và sản xuất trên địa bàn. Lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 54.020 triệu đồng, vượt 12,5% kế hoạch. Thành công này không chỉ khẳng định hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của BEWACO mà còn cho thấy khả năng linh hoạt và thích ứng nhanh nhạy trước những biến động của thị trường và điều kiện môi trường. Nhờ đó, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu mà Đại hội cổ đông đặt ra.

Doanh thu năm 2025 duy trì ổn định so với năm trước, trong khi lợi nhuận vẫn được đảm bảo nhờ kiểm soát chi phí, tối ưu vận hành và giảm thất thoát nước. Công ty tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ trong đo đếm, quản lý mạng lưới và thanh toán không dùng tiền mặt, giúp minh bạch doanh thu, giảm tồn thu và nâng cao trải nghiệm dịch vụ. Đồng thời, các chương trình phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ nguồn nước, triển khai, vận hành các công trình ngăn mặn, cấp nước an toàn mùa khô tiếp tục được duy trì, thể hiện trách nhiệm môi trường và xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp.

Bên cạnh đó, Công ty luôn coi trọng việc chăm sóc và phát triển nguồn nhân lực như một yếu tố then chốt. BEWACO không ngừng tạo điều kiện và khuyến khích nhân viên phát huy tối đa khả năng của bản thân, từ đó xây dựng một môi trường làm việc năng động và hiệu quả. Nhờ vậy, Công ty không chỉ duy trì được không khí làm việc tích cực mà còn đảm bảo tiến độ và hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đã đề ra.

Những thành tích đạt được trong năm qua là minh chứng rõ nét cho sự nỗ lực và cam kết bền bỉ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre trong việc vượt qua thách thức và hướng tới sự phát triển bền vững trong lĩnh vực cung cấp nước sạch và bảo vệ môi trường. BEWACO tự hào khi được góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho cộng đồng và bảo vệ nguồn nước sạch cho các thế hệ mai sau.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Chủ tịch Hội đồng Quản trị thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng do Ban Tổng Giám đốc tổ chức. Tại đây, Chủ tịch HĐQT đưa ra những nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Nghị quyết và Quyết định của HĐQT trong kỳ, đồng thời đưa ra các chỉ đạo, góp ý để bổ sung vào kế hoạch công tác tiếp theo của Ban Tổng Giám đốc. Bên cạnh đó, Chủ tịch HĐQT cùng các thành viên khác trong HĐQT thường xuyên giám sát, theo dõi việc điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc, nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra ổn định, an toàn, tuân thủ đúng quy định pháp luật, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về sản xuất - kinh doanh và tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát và theo dõi sát sao công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh do Tổng Giám đốc thực hiện. Bên cạnh đó, Chủ tịch HĐQT cũng phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát Công ty để đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như các quy định pháp luật hiện hành khác. Đồng thời, Chủ tịch HĐQT cũng đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2025.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty chú trọng việc thiết lập và duy trì tốt mối quan hệ giữa các cấp lãnh đạo, các phòng ban và toàn thể nhân viên. Mục tiêu hướng đến là xây dựng tinh thần đoàn kết vững mạnh, cùng nhau nỗ lực hoàn thành và vượt qua các mục tiêu, nhiệm vụ đã được đề ra tại Đại hội Cổ đông. Bên cạnh đó, công ty cũng đẩy mạnh việc nghiên cứu và ứng dụng những công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực cấp thoát nước. Đồng thời, công ty sẵn sàng đầu tư vào các dự án nghiên cứu và phát triển nhằm mang đến những giải pháp hiện đại, bền vững hơn cho việc cung cấp nước sạch và bảo vệ môi trường.

Để nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã tiến hành tái cơ cấu tổ chức, củng cố và hoàn thiện các phòng ban cũng như chi nhánh. Mục tiêu là tăng cường năng lực tham mưu và quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đáp ứng mọi yêu cầu và nhiệm vụ, phù hợp với phạm vi hoạt động cung cấp nước và quy mô phát triển của công ty.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty sẽ triển khai các chương trình đào tạo và đánh giá năng lực chuyên môn cho toàn thể nhân viên. Song song với đó, Công ty sẽ bổ sung nhân sự kế cận cho công tác quản lý và điều hành, nhằm tối ưu hóa hiệu quả công việc và đảm bảo các hoạt động vận hành một cách suôn sẻ.

Bên cạnh đó, Công ty cũng hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý khách hàng. Những nỗ lực này nhằm thích ứng với bối cảnh mới, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng. Đây là những bước đi chiến lược giúp Công ty không chỉ phát triển bền vững mà còn xây dựng được lòng tin và mối quan hệ tốt đối với khách hàng.

05
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	14.994.000	51%	7.770	0,026%
2	Ông Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT chuyên trách	3.822.000	13%	6.300	0,021%
3	Ông Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4.410.000	15%	-	-
4	Ông Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	-	1.365	0,005%
5	Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên HĐQT không chuyên trách	5.109.510	17,379%	300	0,001%

ÔNG TRẦN THANH BÌNH
THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC
ÔNG PHAN THANH BÌNH
THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Xem chi tiết Sơ yếu lý lịch tại Lý lịch Ban điều hành

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG TRẦN HÙNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày sinh: 13/12/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đô thị - chuyên ngành cấp nước; Cử nhân Luật
- Địa chỉ: Số 175/2 Cl, Trần Quốc Tuấn, Khu phố 9, Phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long

» Quá trình công tác:

06/1991 - 10/1992	Công nhân vận hành tại Nhà máy nước Sơn Đông, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
11/1992 - 06/1994	Nhân viên thu ngân tại phòng Kinh doanh, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
07/1994 - 12/1998	Công nhân vận hành tại Nhà máy nước Sơn Đông, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
01/1999 - 01/2002	Nhân viên tại phòng Kỹ thuật, Công ty cấp thoát nước Bến Tre.
02/2002 - 07/2010	Phó phòng Kỹ Thuật, Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bến Tre.
08/2002 - 11/2015	Giám dốc XN Tư vấn Xây dựng thuộc Công ty TNIIII MTV Cấp thoát nước Bến Tre.
12/2015 - 12/2018	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.
01/2019 – 01/2023	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.
01/2023 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- *Sở hữu cá nhân: 7.770 cổ phần, chiếm 0,026% vốn điều lệ*
- *Sở hữu đại diện: 14.994.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ (đại diện cho UBND tỉnh Bến Tre đến 30/6/2025, từ tháng 7/2025 đến nay là UBND tỉnh Vĩnh Long)*
- *Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG PHAN ĐÌNH TÂN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày sinh: 10/09/1954
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Địa chỉ: Số 27A Bàn Cờ, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh

» Quá trình công tác:

1989 - 2000	Phó Giám đốc Công ty TNHH Hoàn cầu
2000 - 2016	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn cầu
2015 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
2017 - nay	Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn cầu.

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn cầu

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- *Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 vốn điều lệ*
- *Sở hữu đại diện: 4.410.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ (đại diện cho Công ty TNHH Hoàn Cầu)*
- *Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ NGUYỄN THY PHƯƠNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày sinh: 1989
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp
- Địa chỉ: 331/19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

» Quá trình công tác:

2011 - 2012	CBNV Công ty CP SX Nhựa Duy Tân
2012 – 2014	CBNV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
2014 – 2018	CBNV Ngân hàng TMCP Quân Đội
2018 – nay	CBNV Công ty CP Tập Đoàn Đầu tư Hoàng Gia Việt Nam
2022 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Du lịch Việt Nam Hà Nội
2023 – nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh
2023 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Du lịch Việt Nam Hà Nội; Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- *Sở hữu cá nhân: 300 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ*
- *Sở hữu đại diện: 5.109.510 cổ phần, chiếm 17,379% vốn điều lệ*
- *Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy định pháp luật, phù hợp bối cảnh sau sáp nhập về tỉnh Vĩnh Long.

HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất (11 cuộc họp trong năm), 100% thành viên tham dự, tích cực thảo luận, góp ý cho kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác điều hành và các tờ trình của Ban Điều hành nhằm thực hiện mục tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025.

Chủ tịch HĐQT thường xuyên dự họp giao ban, theo dõi tình hình tài chính, đầu tư, kịp thời chỉ đạo để bảo đảm an toàn tài chính và hiệu quả sử dụng vốn.

Cơ cấu HĐQT có Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất kinh doanh là thành viên, tạo thuận lợi cho phối hợp điều hành linh hoạt, thống nhất.

HĐQT chỉ đạo thực hiện tốt nghĩa vụ của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định hiện hành.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	11/11	100%	-
2	Ông Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT	11/11	100%	-
3	Ông Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	11/11	100%	-
4	Ông Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT	11/11	100%	-
5	Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên HĐQT	10/11	90,91%	Bận công tác

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	60/NQ-HĐQT	26/02/2025	Nghị quyết thông qua các nội dung kỳ họp HĐQT ngày 26/02/2025	100%
02	61/NQ-HĐQT	24/03/2025	Nghị quyết hội đồng quản trị thông qua chủ trương vay vốn tại ngân hàng BIDV	100%
03	62/NQ-HĐQT	09/04/2025	Nghị quyết v/v điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; thanh lý tài sản vật tư hư hỏng không còn sử dụng được năm 2025	100%
04	63/NQ-HĐQT	29/04/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
05	64/NQ-HĐQT	05/06/2025	Nghị quyết v/v thông qua các nội dung kỳ họp HĐQT Quý I/2025	100%
06	65/NQ-HĐQT	25/06/2025	Nghị quyết v/v điều chỉnh một số nội dung trong tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
07	66/NQ-HĐQT	22/09/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về thông qua các nội dung kỳ họp HĐQT quý 2-2025	100%
08	67/NQ-HĐQT	22/10/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương vay vốn thực hiện công trình Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến Cụm KCN Phong Nẫm	100%
09	68/NQ-HĐQT	22/10/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương vay vốn thực hiện công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường gom cầu Rạch Miễu 2	100%
10	69/NQ-HĐQT	22/10/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị thống nhất thông qua nội dung Tờ trình 955/TTr-CTN ngày 07/10/2025 và Tờ trình 959/TTr-CTN ngày 08/10/2025	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	70/NQ-HĐQT	03/11/2025	Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
12	71/NQ-HĐQT	12/11/2025	Nghị quyết hội đồng quản trị thông qua các nội dung kỳ họp HĐQT quý 3-2025	100%
13	72/NQ-HĐQT	08/12/2025	Nghị quyết về việc vay vốn đầu tư Công trình Tuyến ống vượt sông Hàm Luông	100%
14	73/NQ-HĐQT	08/12/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về thống nhất thông qua thù lao Người phụ trách quản trị và Thư ký HĐQT; Thông qua kế hoạch tiền lương thù lao người quản lý Công ty 2025; Thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông bất thường	100%
15	74/NQ-HĐQT	08/12/2025	Nghị quyết về việc thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường	100%
16	75/NQ-HĐQT	31/12/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thống nhất thông qua các nội dung cuộc họp ngày 30/12/2025	
	334 Quyết định phê duyệt đầu tư, phê duyệt dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu trong đầu tư xây đựng cơ bản và mua sắm vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh,... thuộc thẩm quyền của HĐQT, của Chủ tịch HĐQT (có bảng kèm theo)			100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01A/QĐ-HĐQT	02/01/2025	Quyết định v/v bổ nhiệm Đại diện lãnh đạo hệ thống quản lý chất lương ISO của Công ty	100%
2	01/QĐ-HĐQT	02/01/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm	100%
3	02/QĐ-HĐQT	02/01/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình nâng công suất trạm từ 250kVA lên thành 630kVA	100%
4	2A/QĐ-HĐQT	02/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Xây mới hàng rào Chi nhánh cấp nước Phú Tân	100%
5	03/QĐ-HĐQT	02/01/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường gom cầu Rạch Miễu 2	100%
6	04/QĐ-HĐQT	07/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp Xây dựng cụm xử lý 5.000 m^3/ngày đêm năm 2024- chi nhánh cấp nước Phú Tân	100%
7	05/QĐ-HĐQT	09/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu Cung cấp đồng hồ nước DN15mm (cấp 2, đọc dữ liệu từ xa)	100%
8	06/QĐ-HĐQT	13/01/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024	100%
9	07/QĐ-HĐQT	14/01/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo sửa chữa NMN Sơn Đông năm 2025	100%
10	08/QĐ-HĐQT	14/01/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa sơn mới văn phòng làm việc. trạm bơm và nhà điều khiển, nhà hóa chất, hàng rào tại CN Mỏ Cày	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	09/QĐ-HĐQT	17/01/2025	Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường gom cầu Rạch Miễu 2	100%
12	10/QĐ-HĐQT	17/01/2025	Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm	100%
13	11/QĐ-HĐQT	17/01/2025	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Lê Văn Chiến	100%
14	12/QĐ-HĐQT	20/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống và phụ tùng inox phục vụ công trình lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới	100%
15	13/QĐ-HĐQT	20/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp phụ tùng gang các loại phục vụ công trình Lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới	100%
16	14/QĐ-HĐQT	20/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp trụ PCCC D100 phục vụ công trình mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre và các vùng lân cận năm 2024	100%
17	15/QĐ-HĐQT	20/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu Ống cấp nước các loại thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024	100%
18	16/QĐ-HĐQT	21/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp van gang các loại phục vụ công trình Lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới	100%
19	17/QĐ-HĐQT	21/01/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Sơn sửa nhà làm việc hàng rào CNCN Giồng Trôm	100%
20	18/QĐ-HĐQT	21/01/2025	Quyết định v/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu Cung cấp đồng hồ nước DN 15mm	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
21	19/QĐ-HĐQT	22/01/2025	Quyết định v/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp Biến tần 450kW phục vụ công trình lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới	100%
22	20/QĐ-HĐQT	22/01/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp Trám lấp 9 giếng khoan bãi giếng Châu Thành	100%
23	21/QĐ-HĐQT	22/01/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre và vùng lân cận năm 2025	100%
24	23/QĐ-HĐQT	22/01/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Trám lấp 9 giếng khoan bãi giếng Châu Thành	100%
25	24/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Sửa chữa sơn mới văn phòng làm việc, trạm bơm và nhà điều khiển, nhà hóa chất, hàng rào tại chi nhánh CN Mỏ Cày	100%
26	25/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Cải tạo sửa chữa NMN Sơn Đông năm 2025	100%
27	26/QĐ-HĐQT	03/02/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm	100%
28	27/QĐ-HĐQT	03/02/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2024	100%
29	28/QĐ-HĐQT	04/02/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp Tủ điện điều khiển bơm 400kW phục vụ công trình Lắp thêm máy bơm - trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới	100%
30	29/QĐ-HĐQT	05/02/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Thay mới đường ống công nghệ cụm 100 m³/h	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
31	30/QĐ-HĐQT	05/02/2025	Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre và vùng lân cận năm 2025	100%
32	31/QĐ-HĐQT	05/02/2025	Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Sơn sửa nhà làm việc hàng rào CNCN Giồng Trôm	100%
33	32/QĐ-HĐQT	07/02/2025	Quyết định v/v chỉ định thầu giám sát thi công công trình lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới	100%
34	33/QĐ-HĐQT	07/02/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre và các vùng lân cận 2024	100%
35	34/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Sửa chữa sơn mới văn phòng làm việc, trạm bơm và nhà điều khiển, nhà hóa chất, hàng rào tại chi nhánh CN Mỏ Cày	100%
36	35/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình tuyến ống cấp nước dọc đường gom cầu Rạch Miễu 2	100%
37	36/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Cải tạo sửa chữa NMN Sơn Đông năm 2025	100%
38	37/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Sơn sửa nhà làm việc hàng rào CNCN Giồng Trôm	100%
39	38/QĐ-HĐQT	13/02/2025	Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định xây dựng Quỹ tiền lương, thang lương, bảng lương cho Viên chức Quản lý và người lao động của Công ty	100%
40	39/QĐ-HĐQT	14/02/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường D1 năm 2025	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
41	40A/QĐ-HĐQT	17/02/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre và các vùng lân cận năm 2024	100%
42	40/QĐ-HĐQT	14/02/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024	100%
43	41/QĐ-HĐQT	17/02/2025	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024	100%
44	42/QĐ-HĐQT	18/02/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre và các vùng lân cận năm 2024	100%
45	44/QĐ-HĐQT	03/03/2025	Quyết định về việc sửa đổi Quy chế về mua, chế độ thụ hưởng Bảo hiểm nhân thọ cho Viên chức và Người lao động trong Công ty	100%
46	45/QĐ-HĐQT	03/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu Ống cấp nước các loại thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024 thuộc dự án/ dự toán mua sắm Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024	100%
47	46/QĐ-HĐQT	04/03/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 1)	100%
48	47/QĐ-HĐQT	05/03/2025	Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường D1 năm 2025	100%
49	48/QĐ-HĐQT	06/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm PAC phục vụ công tác sản xuất nước năm 2025	100%
50	49/QĐ-HĐQT	07/03/2025	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Nguyễn Phạm Duy Thanh	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
51	50/QĐ-HĐQT	07/03/2025	Quyết định về việc thành lập Hội đồng thanh lý tài sản	100%
52	51A/QĐ-HĐQT	10/03/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương chấm dứt xây dựng công trình Đập thép tạm ngăn mặn trên sông Cái Cỏ	100%
53	51/QĐ-HĐQT	10/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường D1 năm 2025	100%
54	52/QĐ-HĐQT	12/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp PAC phục vụ công tác sản xuất nước năm 2025	100%
55	53/QĐ-HĐQT	13/03/2025	Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Thay mới đường ống công nghệ cụm 100m³/h	100%
56	54/QĐ-HĐQT	14/03/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Cụm xử lý 100m³/h Trạm cấp nước Chợ Lách	100%
57	55/QĐ-HĐQT	14/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Sơn sửa chữa nhà làm việc hàng rào CNCN Giồng Trôm	100%
58	56A/QĐ-HĐQT	17/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán phát sinh công trình cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre năm 2024	100%
59	56B/QĐ-HĐQT	17/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre năm 2024	100%
60	56/QĐ-HĐQT	14/03/2025	Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
61	57A/QĐ-HĐQT	18/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre năm 2024	100%
62	57/QĐ-HĐQT	17/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo sửa chữa NMN Sơn Đông năm 2025	100%
63	58A/QĐ-HĐQT	18/03/2025	Quyết định phê duyệt giá trị dự toán phát sinh công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024	100%
64	58/QĐ-HĐQT	18/03/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc , huyện Mỏ Cày Nam năm 2025	100%
65	59A/QĐ-HĐQT	19/03/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024	100%
66	59/QĐ-HĐQT	18/03/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Ống cấp nước Chợ Lách năm 2025	100%
67	60A/QĐ-HĐQT	21/03/2025	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024	100%
68	60/QĐ-HĐQT	21/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình mạng lưới cấp nước TP Bến Tre và vùng lân cận năm 2025	100%
69	61/QĐ-HĐQT	22/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Thay mới đường ống công nghệ cụm 100 m³/h	100%
70	62/QĐ-HĐQT	24/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm thiết bị quan trắc để giám sát trực tuyến chất lượng nước thô	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
71	63/QĐ-HĐQT	25/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm van, phụ kiện, thiết bị truyền dữ liệu phục vụ công tác lắp đặt, sửa chữa đồng hồ nước DN15mm và theo dõi lưu lượng, áp lực trên mạng lưới cấp nước năm 2025	100%
72	64/QĐ-HĐQT	25/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu Ống cấp nước các loại, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024, thuộc dự án/ dự toán mua sắm Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024	100%
73	65/QĐ-HĐQT	25/03/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024	100%
74	66/QĐ-HĐQT	27/03/2025	Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam năm 2025	100%
75	67/QĐ-HĐQT	27/03/2025	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Võ Văn Phát	100%
76	68/QĐ-HĐQT	28/03/2025	Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Ống cấp nước Chợ Lách năm 2025	100%
77	69/QĐ-HĐQT	28/03/2025	Quyết định v/v phê duyệt E-HSMT gói thầu Cung cấp PAC phục vụ công tác sản xuất nước năm 2025	100%
78	70A/QĐ-HĐQT	31/03/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025	100%
79	70/QĐ-HĐQT	31/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Sửa chữa sơn mới văn phòng làm việc, trạm bơm và nhà điều khiển, nhà hóa chất, hàng rào tại chi nhánh CN Mỏ Cày	100%
80	71/QĐ-HĐQT	02/04/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị quan trắc để giám sát trực tuyến chất lượng nước thô	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
81	72A/QĐ-HĐQT	04/04/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Lắp đặt máy bơm trạm tăng áp Chẹt Sậy năm 2025	100%
82	72/QĐ-HĐQT	02/04/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình tuyến ống cấp nước dọc đường D1 năm 2025	100%
83	73/QĐ-HĐQT	08/04/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam năm 2025	100%
84	74A/QĐ-HĐQT	09/04/2025	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 1)	100%
85	74/QĐ-HĐQT	08/04/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình ống cấp nước Chợ Lách năm 2025	100%
86	75/QĐ-HĐQT	14/04/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường D1 năm 2025	100%
87	76/QĐ-HĐQT	15/04/2025	Quyết định về việc nghỉ hưu để hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội ông Lưu Nữa Ngàn	100%
88	77A/QĐ-HĐQT	15/04/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 1)	100%
89	77/QĐ-HĐQT	15/04/2025	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Huỳnh Thái Trọng	100%
90	78/QĐ-HĐQT	16/04/2025	Quyết định v/v phê duyệt E-HSMT gói thầu cung cấp thiết bị quan trắc để giám sát trực tuyến chất lượng nước thô	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
91	79/QĐ-HĐQT	17/04/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp van, phụ kiện, thiết bị truyền dữ liệu (data log-ger) phục vụ công tác lắp đặt, sửa chữa đồng hồ nước DN15mm và theo dõi lưu lượng áp lực trên mạng lưới cấp nước năm 2025	100%
92	80/QĐ-HĐQT	17/04/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Tuyến ống vượt sông Hàm Luông	100%
93	81/QĐ-HĐQT	18/04/2025	Quyết định v/v phê duyệt sửa đổi E-HSMT gói thầu Cung cấp thiết bị quan trắc để giám sát trực tuyến chất lượng nước thô	100%
94	82/QĐ-HĐQT	21/04/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình tuyến ống cấp nước dọc đường D1 năm 2025	100%
95	83/QĐ-HĐQT	21/04/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình thay mới đường ống công nghệ cụm 100m³/h	100%
96	84/QĐ-HĐQT	21/04/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình mạng lưới cấp nước TP Bến Tre và vùng lân cận năm 2025	100%
97	85/QĐ-HĐQT	22/04/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế và dự toán công trình:MLCN huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 1)	100%
98	86/QĐ-HĐQT	26/04/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế và dự toán công trình tuyến ống vượt sông Hàm Luông	100%
99	87/QĐ-HĐQT	28/04/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình thay mới đường ống công nghệ cụm 100m³/h	100%
100	88/QĐ-HĐQT	29/04/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre và vùng lân cận năm 2025	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
101	89A/QĐ-HĐQT	06/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm Clo lỏng phục vụ công tác sản xuất nước 6 tháng cuối năm 2025	100%
102	89/QĐ-HĐQT	06/05/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình Sơn sửa chữa nhà lám việc hàng rào CNCN Giồng Trôm	100%
103	90/QĐ-HĐQT	07/05/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam năm 2025	100%
104	91/QĐ-HĐQT	09/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre và vùng lân cận năm 2025	100%
105	92/QĐ-HĐQT	10/05/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Thay mới đường ống công nghệ cụm 100m³/h	100%
106	93/QĐ-HĐQT	10/05/2025	Quyết định V/v phê duyệt E-HSMT gói thầu Cung cấp van, phụ kiện, thiết bị truyền dữ liệu (data logger) phục vụ công tác lắp đặt, sửa chữa đồng hồ nước DN15mm và theo dõi lưu lượng, áp lực trên mạng lưới cấp nước năm 2025	100%
107	94/QĐ-HĐQT	12/05/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình ống cấp nước Chợ Lách năm 2025	100%
108	95/QĐ-HĐQT	12/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam năm 2025	100%
109	96/QĐ-HĐQT	12/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Sơn sửa chữa nhà làm việc hàng rào CNCN Giồng Trôm	100%
110	97/QĐ-HĐQT	12/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D180 và phụ tùng đấu nối phục vụ công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường D1 năm 2025	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
111	98/QĐ-HĐQT	12/05/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 2)	100%
112	99A/QĐ-HĐQT	13/05/2025	Quyết định phê duyệt giá trị dự toán phát sinh công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường D1 năm 2025	100%
113	99/QĐ-HĐQT	12/05/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2025	100%
114	100/QĐ-HĐQT	14/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu Cung cấp PAC	100%
115	101A/QĐ-HĐQT	15/05/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường D1 năm 2025	100%
116	101/QĐ-HĐQT	15/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng phục cho người lao động Công ty năm 2025	100%
117	102A/QĐ-HĐQT	17/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường D1 năm 2025	100%
118	102/QĐ-HĐQT	17/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình ống cấp nước Chợ Lách năm 2025	100%
119	103/QĐ-HĐQT	19/05/2025	Quyết định phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2025	100%
120	104/QĐ-HĐQT	20/05/2025	Quyết định phê duyệt dư toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 2)	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
121	105/QĐ-HĐQT	21/05/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp: thay mới đường ống công nghệ cụm 100m³/h	100%
122	106/QĐ-HĐQT	21/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2025	100%
123	107/QĐ-HĐQT	22/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng phục cho người lao động Công ty năm 2025	100%
124	108/QĐ-HĐQT	22/05/2025	Quyết định phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025	100%
125	109/QĐ-HĐQT	22/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Sơn sửa chữa nhà làm việc hàng rào CNCN Giồng Trôm	100%
126	110/QĐ-HĐQT	26/05/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp Sơn sửa chữa nhà làm việc hàng rào CNCN Giồng Trôm	100%
127	111/QĐ-HĐQT	26/05/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình sửa chữa sơn mới văn phòng làm việc, trạm bơm và nhà điều khiển, nhà hóa chất, hàng rào tại Chi nhánh CN Mỏ Cày	100%
128	112/QĐ-HĐQT	26/05/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình Cải tạo sửa chữa NMN Sơn Đông năm 2025	100%
129	113/QĐ-HĐQT	26/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2025	100%
130	114/QĐ-HĐQT	27/05/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp công trình Mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre và vùng lân cận năm 2025	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
131	115/QĐ-HĐQT	28/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp Clo lỏng phục vụ công tác sản xuất nước 6 tháng cuối năm 2025	100%
132	116/QĐ-HĐQT	29/05/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 1)	100%
133	117/QĐ-HĐQT	30/05/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường gom cầu Rạch Miễu 2	100%
134	119/QĐ-HĐQT	02/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 2)	100%
135	120/QĐ-HĐQT	04/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo sửa chữa NMN Sơn Đông năm 2025	100%
136	121/QĐ-HĐQT	05/06/2025	Quyết định về vệc phê duyệt HSYC chỉ định thầu thông thường mua sắm đồng phục cho người lao động Công ty năm 2025	100%
137	122/QĐ-HĐQT	05/06/2025	Quyết định v/v miễn nhiệm Thư ký HĐQT bà Lê Thị Hồng Thắm	100%
138	123/QĐ-HĐQT	06/06/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp công trình ống cấp nước Chợ Lách năm 2025	100%
139	124/QĐ-HĐQT	06/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình ống cấp nước Chợ Lách năm 2025	100%
140	125/QĐ-HĐQT	07/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 2)	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
141	126/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	100%
142	127/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Mạng lưới cấp nước xã Thành An năm 2020	100%
143	128/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Cải tạo ống cấp nước đường Nguyễn Văn Tư năm 2020	100%
144	129/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm đợt 1-2021	100%
145	130/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình:Sửa chữa Trạm bơm cấp 2 và cụm bể xử lý Chi nhánh Phú Tân	100%
146	131/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Sửa chữa bể lọc số 1 - Cụm bể lọc thép 3.600 m^3/ngày đêm	100%
147	132/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm đợt 5-2021	100%
148	133/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Mạng lưới cấp nước Mỏ Cày Bắc đợt 1/2021	100%
149	134/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Nhà máy nước Sơn Đông năm 2020	100%
150	135/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Nhà máy nước Hữu Định năm 2019	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
151	136/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Cải tạo sảnh chính (văn phòng Công ty)	100%
152	137/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Cải tạo mạng lưới cấp nước đường Nguyễn Thị Định TPBT 2021	100%
153	138/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre đợt 4/2020	100%
154	139/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre đợt 2/2021	100%
155	140/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Sửa chữa nhà làm việc Chi nhánh Phú Tân	100%
156	141/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Tuyến ống cấp nước dọc lộ cầu Nhà Việc	100%
157	142/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Ống cấp nước trong khu vực nâng cấp khu LIA6 (phường 8)	100%
158	143/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre đợt 1/2021	100%
159	144/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm đợt 2-2021	100%
160	145/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Xây dựng hàng rào Đội quản lý mạng và sửa chữa	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
161	146/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre đợt 3/2020	100%
162	147/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: lắp bơm gió trạm Cấp nước Chợ Lách	100%
163	148/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Thay ống thép D200 trên cầu Mỹ Hóa	100%
164	149/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021	100%
165	150/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Lắp thêm máy bơm - Trạm bơm tăng áp hàm Luông	100%
166	151/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Mạng lưới cấp nước Chợ Lách đợt 1/2022	100%
167	152/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Cụm xử lý 5.000m³/ngày đêm- Chi nhánh cấp nước Phú Tân	100%
168	153/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Tháo ống chuyển tải nước thô HDPE D250 từ Sông Bình Chánh về Nhà máy nước Lương Quới	100%
169	154/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm đợt 2/2021	100%
170	155/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân đợt 1	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
171	156/QĐ-HĐQT	18/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: tháo dỡ đập đất kênh Thuộc Đạo xã Quới Thành	100%
172	157/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân 2022	100%
173	158/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: đấu nối cải tạo, sửa chữa và di dời mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre năm 2021	100%
174	159/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Ống cấp nước nằm trong khu LIA1 (phường 5) và khu LIA 7(Phường Phú Khương)	100%
175	160A/QĐ-HĐQT	13/06/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Thay mới đường ống công nghệ cụm 100m3/h	100%
176	160/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Cải tạo sửa chữa và nâng cấp mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre năm 2022	100%
177	161A/QĐ-HĐQT	17/06/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Thay mới đường ống công nghệ cụm 100m3/h	100%
178	161/QĐ-HĐQT	17/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp đồng phục cho người lao động Công ty năm 2025	100%
179	162/QĐ-HĐQT	18/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình sửa chữa sơn mới văn phòng làm việc, trạm bơm và nhà điều khiển, nhà hóa chất, hàng rào tại chi nhánh CN Mỏ Cày	100%
180	163/QĐ-HĐQT	18/06/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2025	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
181	164A/QĐ-HĐQT	23/06/2025	Quyết định phê duyệt giá trị dự toán phát sinh công trình mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre và vùng lân cận năm 2025	100%
182	164B/QĐ-HĐQT	24/06/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre và vùng lân cận năm 2025	100%
183	164/QĐ-HĐQT	23/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 2)	100%
184	165/QĐ-HĐQT	25/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cải tạo sửa chữa NMN Sơn Đông năm 2025	100%
185	166/QĐ-HĐQT	25/06/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam 2025	100%
186	167A/QĐ-HĐQT	26/06/2025	Quyết định phê duyệt dự toán phát sinh công trình Sơn sửa chữa nhà làm việc hàng rào CNCN Giồng Trôm	100%
187	167/QĐ-HĐQT	25/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo sửa chữa NMN Sơn Đông năm 2025	100%
188	168A/QĐ-HĐQT	26/06/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Sơn sửa chữa nhà làm việc hàng rào CNCN Giồng Trôm	100%
189	168/QĐ-HĐQT	26/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Sửa chữa sơn mới văn phòng làm việc, trạm bơm và nhà điều khiển, nhà hóa chất, hàng rào tại chi nhánh CN Mỏ Cày	100%
190	169A/QĐ-HĐQT	27/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu và thời gian lựa chọn nhà thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Sơn sửa chữa nhà làm việc hàng rào CNCN Giồng Trôm	100%
191	169/QĐ-HĐQT	27/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu và thời gian lựa chọn nhà thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu (điều chỉnh chi phí giám sát thi công) công trình mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam năm 2025	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
192	170A/QĐ-HĐQT	27/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre và vùng lân cận năm 2025	100%
193	170/QĐ-HĐQT	27/06/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình tuyến ống vượt sông Hàm Luông	100%
194	171/QĐ-HĐQT	27/06/2025	Quyết định V/v phê duyệt E-HSMT gói thầu Cung cấp Clo lỏng (Chlorine), hàm lượng Cl2 >= 99,99% dùng xử lý nước sinh hoạt thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp Clo lỏng phục vụ công tác sản xuất nước 6 tháng cuối năm 2025 thuộc dự án/dự toán mua sắm Mua sắm Clo lỏng phục vụ công tác sản xuất nước 6 tháng cuối năm 2025	100%
195	172/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu Sửa chữa sơn mới văn phòng làm việc, trạm bơm và nhà điều khiển, nhà hóa chất, hàng rào tại chi nhánh CN Mỏ Cày	100%
196	173/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm	100%
197	173A/QĐ-HĐQT	04/07/2025	Quyết định phê duyệt giá trị dự toán phát sinh công trình Ống cấp nước Chợ Lách năm 2025	100%
198	174/QĐ-HĐQT	07/07/2025	Quyết định Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp van, phụ kiện, thiết bị truyền dữ liệu (data logger) phục vụ công tác lắp đặt, sửa chữa đồng hồ nước DN15mm và theo dõi lưu lượng, áp lực trên mạng lưới cấp nước năm 2025	100%
199	175/QĐ-HĐQT	08/07/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán (lần 2) công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam năm 2025	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
200	175A/QĐ-HĐQT	08/07/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Ống cấp nước Chợ Lách năm 2025	100%
201	176/QĐ-HĐQT	09/07/2025	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam năm 2025	100%
202	177/QĐ-HĐQT	10/07/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2025	100%
203	177A/QĐ-HĐQT	11/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Ống cấp nước Chợ Lách năm 2025	100%
204	178/QĐ-HĐQT	15/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm	100%
205	179/QĐ-HĐQT	15/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm ống HDPE D315 phục vụ công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2025	100%
206	180/QĐ-HĐQT	16/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế và dự toán công trình Lắp đặt cửa phai trên đập tạm Tam Dương	100%
207	181/QĐ-HĐQT	16/07/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Tuyến ống vượt sông Hàm Luông	100%
208	182/QĐ-HĐQT	16/07/2025	Quyết đfịnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2025	100%
209	183A/QĐ-HĐQT	17/07/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước các xã phường năm 2025	100%
210	183/QĐ-HĐQT	17/07/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 1)	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
211	184/QĐ-HĐQT	17/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D315 phục vụ công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước TP Bến Tre năm 2025	100%
212	185/QĐ-HĐQT	21/07/2025	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với bà Lê Thị Hồng Thắm	100%
213	186/QĐ-HĐQT	22/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp ống HDPE D315 phục vụ công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2025	100%
214	187/QĐ-HĐQT	23/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 1)	100%
215	188/QĐ-HĐQT	23/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ tư vấn: Tư vấn giám sát thi công công trình : Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam năm 2025	100%
216	189/QĐ-HĐQT	23/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình : Tuyến ống vượt sông Hàm Luông	100%
217	190/QĐ-HĐQT	23/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp Ống nhánh HDPE D63 công trình : Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam năm 2025	100%
218	190A/QĐ-HĐQT	25/07/2025	Quyết định phê duyệt giá trị dự toán phát sinh công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024	100%
219	190B/QĐ-HĐQT	26/07/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024	100%
220	191/QĐ-HĐQT	29/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng gói thầu công trình Tuyến ống vượt sông Hàm Luông	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
221	191A/QĐ-HĐQT	29/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024	100%
222	192A/QĐ-HĐQT	01/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm máy bơm 75kW, phục vụ công trình lắp đặt máy bơm trạm tăng áp Chẹt Sậy năm 2025	100%
223	192/QĐ-HĐQT	31/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn giám sát thi công công trình: mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 1)	100%
224	193/QĐ-HĐQT	02/08/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 2)	100%
225	194/QĐ-HĐQT	02/08/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình lắp đặt cửa phai trên đập Tam Dương	100%
226	195A/QĐ-HĐQT	05/08/2025	Quyết định phê duyệt dự toán phát sinh công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam năm 2025	100%
227	195B/QĐ-HĐQT	05/08/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán (lần 3) công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc, huyện Mỏ Cày Nam năm 2025	100%
228	195/QĐ-HĐQT	04/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm ống HDPE D250 phục vụ công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước các xã phường năm 2025	100%
229	196/QĐ-HĐQT	06/08/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm	100%
230	229/QĐ-HĐQT	07/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp ống HDPE D250 phục vụ công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước các xã phường năm 2025	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
231	230/QĐ-HĐQT	07/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp máy bơm 75kW, phục vụ công trình lắp đặt máy bơm trạm bơm tăng áp Chẹt Sậy năm 2025	100%
232	231/QĐ-HĐQT	07/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp ống HDPE D63 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 1)	100%
233	233/QĐ-HĐQT	12/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025	100%
234	234/QĐ-HĐQT	12/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình lắp đặt cửa phai trên đập Tam Dương	100%
235	235/QĐ-HĐQT	12/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 2)	100%
236	236/QĐ-HĐQT	12/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp máy bơm 75kW, phục vụ công trình lắp đặt máy bơm trạm tăng áp Chẹt Sậy năm 2025	100%
237	237/QĐ-HĐQT	13/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm	100%
238	238/QĐ-HĐQT	14/08/2025	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với bà Thái Cẩm Linh	100%
239	239/QĐ-HĐQT	14/08/2025	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thanh Thủy	100%
240	240/QĐ-HĐQT	14/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp ống HDPE D250 phục vụ công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước các xã phường năm 2025	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
241	241/QĐ-HĐQT	18/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm	100%
242	242/QĐ-HĐQT	20/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu Tuyến ống vượt sông Hàm Luông	100%
243	243/QĐ-HĐQT	20/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025	100%
244	244/QĐ-HĐQT	20/08/2025	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Nguyễn Ý Trung	100%
245	245/QĐ-HĐQT	25/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Lắp đặt cửa phai trên đập Tam Dương	100%
246	246/QĐ-HĐQT	25/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh hình thức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 2)	100%
247	247/QĐ-HĐQT	25/08/2025	Quyết định phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Cụm xử lý 100m3/h Trạm cấp nước Chợ Lách	100%
248	248/QĐ-HĐQT	28/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình cụm xử lý 100m3/h Trạm cấp nước Chợ Lách	100%
249	249A/QĐ-HĐQT	29/08/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre năm 2025	100%
250	249/QĐ-HĐQT	29/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2025	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
251	250/QĐ-HĐQT	29/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu dịch vụ tư vấn: Tư vấn giám sát thi công công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2025	100%
252	251/QĐ-HĐQT	03/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình cụm xử lý 100m³/h Trạm cấp nước Chợ Lách	100%
253	252/QĐ-HĐQT	04/09/2025	Quyết định Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường gom cầu Rạch Miễu 2	100%
254	253A/QĐ-HĐQT	06/09/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm	100%
255	253/QĐ-HĐQT	04/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng phục cho người lao động năm 2025	100%
256	254/QĐ-HĐQT	08/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng phục cho người lao động năm 2025	100%
257	255/QĐ-HĐQT	10/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường gom cầu Rạch Miễu 2	100%
258	256/QĐ-HĐQT	10/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu và thời gian lựa chọn nhà thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm	100%
259	257/QĐ-HĐQT	11/09/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025	100%
260	258/QĐ-HĐQT	15/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 2)	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
261	259/QĐ-HĐQT	15/09/2025	Quyết định phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre năm 2025	100%
262	260/QĐ-HĐQT	16/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre năm 2025	100%
263	260-1/QĐ-HĐQT	15/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng phục cho người lao động năm 2025	100%
264	261/QĐ-HĐQT	18/09/2025	Quyết định Về việc phê duyệt E-HSMT Gói thầu Ống HDPE D250 dọc lộ ấp 4, lộ Ba Lai; Tuyến ống vượt sông Chẹt Sậy đến cụm KCN Phong Nẫm thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm thuộc công trình Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm.	100%
265	262/QĐ-HĐQT	19/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn thẩm tra thiết kế và dự toán công trình Cụm xử lý 100 m³/h Trạm cấp nước Chợ Lách	100%
266	263/QĐ-HĐQT	20/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo mang lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025	100%
267	265/QĐ-HĐQT	22/09/2025	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025 (đợt 2)	100%
268	266/QĐ-HĐQT	25/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre năm 2025	100%
269	267/QĐ-HĐQT	25/09/2025	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Nguyễn Trung Hiếu - Nhân viên phòng Kinh doanh	100%
270	269/QĐ-HĐQT	27/09/2025	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với bà Đinh Thảo Nghi	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
271	270/QĐ-HĐQT	29/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn giám sát thi công công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025	100%
272	271/QĐ-HĐQT	30/09/2025	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Nguyễn Minh Khanh	100%
273	272/QĐ-HĐQT	30/09/2025	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Trần Quang Xuyên	100%
274	273/QĐ-HĐQT	02/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán cung cấp phần mềm Quản lý khách hàng tổng thể	100%
275	274/QĐ-HĐQT	03/10/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình tuyến ống cấp nước dọc đường gom cầu Rạch Miễu 2	100%
276	275A/QĐ-HĐQT	07/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới	100%
277	275/QĐ-HĐQT	07/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp Gia công lắp dựng biển báo hiệu công trình Tuyến ống vượt sông Hàm Luông	100%
278	276/QĐ-HĐQT	07/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường gom cầu Rạch Miễu 2	100%
279	277/QĐ-HĐQT	08/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm Dây CXV/DATA-240 công trình Lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới	100%
280	279/QĐ-HĐQT	08/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp phầm mềm Quản lý khách hàng tổng thể	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
281	280/QĐ-HĐQT	09/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế và dự toán bổ sung công trình lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới	100%
282	281A/QĐ-HĐQT	13/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp Dây CXV/ DATA-240 phục vụ công trình Lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới	100%
283	281/QĐ-HĐQT	10/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu giám sát thi công thuộc công trình Tuyến ống vượt sông Hàm Luông	100%
284	283/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp phần mềm quản lý khách hàng tổng thể	100%
285	284/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ tư vấn: lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường gom cầu Rạch Miễu 2	100%
286	285/QĐ-HĐQT	16/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp Dây CXV/DATA-240 phục vụ công trình Lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới	100%
287	286/QĐ-HĐQT	17/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu Tuyến ống vượt sông Hàm Luông	100%
288	287/QĐ-HĐQT	17/10/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình Cụm xử lý 100m3/h Trạm cấp nước Chợ Lách	100%
289	288/QĐ-HĐQT	21/10/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2025	100%
290	289/QĐ-HĐQT	22/10/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động đầu tư, mua sắm, sửa chữa và quản lý tài sản cố định của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
291	290/QĐ-HĐQT	22/10/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế mua sắm và quản lý tài sản, vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre	100%
292	291/QĐ-HĐQT	24/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Cụm xử lý 100 m3/h Trạm cấp nước Chợ Lách	100%
293	292/QĐ-HĐQT	27/10/2025	Quyết định Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu Ống HDPE D250 dọc lộ ấp 4, lộ Ba Lai; Tuyến ống vượt sông Chẹt Sậy đến cụm KCN Phong Nẫm thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm thuộc công trình Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm.	100%
294	312/QĐ-HĐQT	01/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Tuyến ống từ Huỳnh Tấn Phát đến cụm KCN Phong Nẫm	100%
295	313/QĐ-HĐQT	03/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ tư vấn: lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng công trình: Cụm xử lý 100 m³/h trạm cấp nước Chợ Lách	100%
296	314/QĐ-HĐQT	03/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng hồ nước DN15mm (cấp 2, loại buồng đo thể tích) và thiết bị cảm biến đọc dữ liệu từ xa	100%
297	315/QĐ-HĐQT	06/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu ống PVC -O D250 từ QL 57C đến trạm tăng áp Hàm Luông	100%
298	316/QĐ-HĐQT	06/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2025	100%
299	318/QĐ-HĐQT	10/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn cung cấp đồng hồ nước DN 15mm (cấp 2, loại buồng đo thể tích) và thiết bị cảm biến đọc dữ liệu xa	100%
300	319/QĐ-HĐQT	11/11/2025	Quyết định phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư Công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước các xã phường năm 2025	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
301	320/QĐ-HĐQT	11/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mang lưới cấp nước các xã phường năm 2025	100%
302	321/QĐ-HĐQT	13/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt sửa đổi E-HSMT gói thầu Ống PVC-O D250 từ QI 57C đến Trạm tăng áp Hàm Luông thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tuyến ống cấp nước dọc đường gom cầu Rạch Miễu 2	100%
303	322/QĐ-HĐQT	17/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mang lưới cấp nước các xã phường năm 2025	100%
304	323/QĐ-HĐQT	18/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2025	100%
305	324/QĐ-HĐQT	20/11/2025	Quyết định phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình lắp đặt máy bơm trạm tăng áp Chẹt Sậy năm 2025	100%
306	325/QĐ-HĐQT	21/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Lắp đặt máy bơm trạm tăng áp Chẹt Sậy năm 2025	100%
307	326/QĐ-HĐQT	24/11/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước các xã phường năm 2025	100%
308	327/QĐ-HĐQT	26/11/2025	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Ngô Văn Thầm	100%
309	328/QĐ-HĐQT	25/11/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy nước Sơn Đông	100%
310	329/QĐ-HĐQT	27/11/2025	Quyết định phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy nước Sơn Đông	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
311	331/QĐ-HĐQT	28/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình lắp đặt máy bơm trạm tăng áp Chẹt Sậy năm 2025	100%
312	332A/QĐ-HĐQT	29/11/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương chấm dứt xây dựng công trình Hệ thống thoát nước nội ô thành phố Bến Tre năm 2023	100%
313	332/QĐ-HĐQT	28/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy nước Sơn Đông	100%
314	333/QĐ-HĐQT	29/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng gói thầu cung cấp đồng hồ nước DN-M15mm và thiết bị cảm biến đọc dữ liệu từ xa	100%
315	334/QĐ-HĐQT	01/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước các xã phường năm 2025	100%
316	335/QĐ-HĐQT	01/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy nước Sơn Đông	100%
317	336/QĐ-HĐQT	03/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp: Gia công lắp dựng biển báo 2 bên bờ báo hiệu công trình ngầm qua sộng	100%
318	337/QĐ-HĐQT	05/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu xây lắp: Cụm xử lý 100 m³/h Trạm cấp nước Chợ Lách	100%
319	338/QĐ-HĐQT	05/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế và dự toán công trình lắp đặt máy bơm trạm tăng áp Chẹt Sậy năm 2025	100%
320	339/QĐ-HĐQT	09/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước các xã phường năm 2025	100%

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
321	340/QĐ-HĐQT	11/12/2025	Quyết định về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy nước Sơn Đông	100%
322	341/QĐ-HĐQT	13/12/2025	Quyết định phê duyệt dự án Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy nước Sơn Đông	100%
323	342/QĐ-HĐQT	15/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy nước Sơn Đông	100%
324	343/QĐ-HĐQT	17/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư giám sát thi công công trình Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy nước Sơn Đông	100%
325	344/QĐ-HĐQT	17/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy nước Sơn Đông	100%
326	345/QĐ-HĐQT	22/12/2025	Quyết định phê duyệt dự án công trình lắp đặt máy bơm Trạm Tăng áp Chẹt Sậy năm 2025	100%
327	346/QĐ-HĐQT	26/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu ống PVC_O D250 từ QL 57C đến trạm tăng áp Hàm Luông	100%
328	347/QĐ-HĐQT	26/12/2025	Quyết định v/v thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, vật tư thời điểm 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2026	100%
329	348/QĐ-HĐQT	26/12/2025	Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện dịch vụ :Kiểm nghiệm nước sạch theo QCVN 01-1:2024/BYT cho các chi nhánh, nhà máy nước trực thuộc Công ty năm 2026	100%
330	349/QĐ-HĐQT	29/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình lắp đặt máy bơm Trạm tăng áp Chẹt Sậy năm 2025	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
331	350/QĐ-HĐQT	29/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dịch vụ Kiểm nghiệm nước sạch theo QCVN 01-1:2024/BYT cho các chi nhánh, nhà máy nước trực thuộc Công ty năm 2026	100%
332	351/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát thi công công trình Cụm xử lý 100 m³/h Trạm cấp nước Chợ Lách	100%
333	352/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường gom cầu Rạch Miễu 2	100%
334	353/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thuộc dự toán kiểm nghiệm nước sạch theo QCVN 01-1:2024/BYT cho các chi nhánh, nhà máy nước trực thuộc Công ty	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị Công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Công ty: tham dự Hội nghị do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán – Bộ Tài chính và Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) tổ chức vào ngày 20/6/2025 về "Tuân thủ pháp luật chứng khoán và lưu ý các sai sót trong lập báo cáo tài chính"

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Văn Phong	Trưởng BKS	-	-	13.230	0,045%
2	Ông Nguyễn Đình Huấn	Thành viên BKS	-	-	-	-
3	Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	-	-	-	-

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Văn Phong	Trưởng BKS	02/02	100%	-
2	Ông Nguyễn Đình Huấn	Thành viên BKS	02/02	100%	-
3	Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	02/02	100%	-

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Trong năm 2025, sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong các mặt hoạt động điều hành được thực hiện rất tốt. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thường xuyên tạo điều kiện tiếp cận, cung cấp các thông tin về hoạt động SXKD của Công ty và các Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD theo định kỳ hàng tháng; các tài liệu khác cho Ban kiểm soát đúng quy định. Người đứng đầu các bộ phận trong bộ máy quản lý, điều hành Công ty thực hiện tốt Điều lệ Công ty, các Quy chế quản trị Công ty đã ban hành.

BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Trưởng Ban kiểm soát thực hiện giám sát thường xuyên mọi hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc. Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, giám sát quá trình chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2025, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành, giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Giám sát việc ghi sổ sách chứng từ kế toán trong Công ty; xem xét các chỉ số tài chính trong báo cáo tài chính đã công bố.

Xem các hồ sơ, sổ sách có liên quan trong hoạt động của Công ty theo đúng thẩm quyền của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát. Theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh trong năm 2024 của Ban điều hành.

Tham gia các cuộc họp HĐQT, họp giao ban, họp triển khai những công việc quan trọng, họp về lựa chọn nhà thầu trong đầu tư XDCB và mua sắm hàng hóa, nghiệm thu các công trình.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Khoản lợi ích khác
1	Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	603.585.252	-	12.432.000
2	Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	638.229.276	81.000.000	10.080.000
3	Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	569.217.672	81.000.000	2.184.000
4	Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	-	81.000.000	-
5	Nguyễn Thy Phương	Thành viên HĐQT	-	81.000.000	-
6	Lê Văn Phong	Trưởng BKS	502.987.716	-	21.168.000
7	Nguyễn Đình Huấn	Thành viên BKS	-	81.000.000	-
8	Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	-	81.000.000	-
9	Phan Thành Nhân	Phó Tổng Giám đốc	569.217.672	-	27.384.000
10	Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	519.720.492	-	33.384.000





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI BÊN CÓ LIÊN QUAN

Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị Công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ về quản trị Công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty. Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ đã được ban hành, điều chỉnh theo qui định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

VIETVALUES Audit and Consulting Co., Ltd
Member firm of JPA International
Head office : 33 Phan Van Khoe street, ward 13, district 5, HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2289
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com

Số: 270303/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026 (từ trang 07 đến trang 33), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - *VIETVALUES*

Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Đan Anh – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số 6265-2023-071-1

Nơi nhận:
- *Như trên*
- *Lưu* ***VIETVALUES***

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**74.061.631.668**	**93.598.950.656**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	V.1	**56.035.028.109**	**78.282.679.032**
111	1. Tiền		33.829.892.463	76.282.679.032
112	2. Các khoản tương đương tiền		22.205.135.646	2.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**		-	-
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**6.081.149.881**	**2.150.091.459**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	757.934.488	989.383.616
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	5.109.020.930	857.814.887
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		214.194.463	302.892.956
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	**IV. Hàng tồn kho**	V.4	**10.652.297.460**	**11.866.755.877**
141	1. Hàng tồn kho		10.652.297.460	11.866.755.877
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**1.293.156.218**	**1.299.424.288**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5a	1.204.237.659	1.299.348.763
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		16.148.618	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	72.769.941	75.525
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**454.856.866.528**	**454.555.187.750**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		-	-
220	**II. Tài sản cố định**		**423.921.836.496**	**425.495.997.002**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	423.814.818.231	425.330.645.404
222	*- Nguyên giá*		*1.008.434.763.020*	*971.457.139.945*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(584.619.944.789)*	*(546.126.494.541)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.7	107.018.265	165.351.598
228	*- Nguyên giá*		*1.513.000.000*	*1.513.000.000*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(1.405.981.735)*	*(1.347.648.402)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**1.703.273.696**	**5.987.654.595**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	1.703.273.696	5.987.654.595
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**		-	-
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**29.231.756.336**	**23.071.536.153**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.5b	29.231.756.336	23.071.536.153
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**528.918.498.196**	**548.154.138.406**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**73.223.599.382**	**90.532.198.658**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**36.759.181.100**	**45.056.680.376**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	2.969.592.536	2.331.857.315
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	151.356.280	176.567.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	2.957.475.179	3.583.156.487
314	4. Phải trả người lao động	V.12	9.597.316.937	7.085.049.374
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	135.231.819	323.788.525
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	88.532.138	696.455.982
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15a	16.011.100.000	27.135.100.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	4.848.576.211	3.724.704.794
330	**II. Nợ dài hạn**		**36.464.418.282**	**45.475.518.282**
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15b	36.464.418.282	45.475.518.282
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	V.17	**455.694.898.814**	**457.621.939.748**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**		**455.694.898.814**	**457.621.939.748**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		294.000.000.000	294.000.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*294.000.000.000*	*294.000.000.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		126.664.660.826	111.014.528.469
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.030.237.988	52.607.411.279
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		-	*11.760.000.000*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*35.030.237.988*	*40.847.411.279*
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		-	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**528.918.498.196**	**548.154.138.406**

Vĩnh Long, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
NGUYỄN DUY HIỀN	VÕ THỊ THIÊN TRANG	TRẦN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	VI.1	**241.933.683.240**	**242.337.437.045**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	633.947
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**241.933.683.240**	**242.336.803.098**
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	82.513.763.430	89.509.534.381
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**159.419.919.810**	**152.827.268.717**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	764.022.759	202.454.954
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	5.412.331.994	6.481.983.465
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*5.412.331.994*	*6.481.983.465*
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	63.699.288.125	56.039.465.279
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	28.680.924.729	21.532.161.686
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**62.391.397.721**	**68.976.113.241**
31	11. Thu nhập khác	VI.7	3.172.437.628	521.038.297
32	12. Chi phí khác		254.688.654	227.659.809
40	**13. Lợi nhuận khác**		**2.917.748.974**	**293.378.488**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**65.309.146.695**	**69.269.491.729**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	11.288.783.324	11.882.080.450
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**54.020.363.371**	**57.387.411.279**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	VI.9	**1.607**	**1.678**
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	**1.607**	**1.678**

Vĩnh Long, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
NGUYỄN DUY HIỀN	VÕ THỊ THIÊN TRANG	TRẦN HÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		260.424.841.683	275.289.310.500
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(105.165.422.880)	(101.369.242.799)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(38.704.120.091)	(38.317.760.086)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(5.601.721.730)	(6.619.704.836)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(11.562.436.955)	(12.399.217.077)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.216.191.672	1.501.999.432
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.769.831.152)	(26.373.688.516)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***77.837.500.547***	***91.711.696.618***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(34.433.051.470)	(26.005.687.190)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bánTSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.523.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	-
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(32.910.051.470)***	***(26.005.687.190)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.15	7.000.000.000	11.070.276.763
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.15	(27.135.100.000)	(25.870.638.000)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.17c	(47.040.000.000)	(35.280.000.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(67.175.100.000)***	***(50.080.361.237)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)**		**(22.247.650.923)**	**15.625.648.191**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**78.282.679.032**	**62.657.030.841**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)**	V.1	**56.035.028.109**	**78.282.679.032**

Vĩnh Long, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
NGUYỄN DUY HIỀN	VÕ THỊ THIÊN TRANG	TRẦN HÙNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (Sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Cấp thoát nước Bến Tre là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bến Tre, với cổ phần vốn Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất nước và xây lắp, xây dựng công trình.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có các yếu tố ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Thông tin về chi nhánh

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc như sau:

STT	Tên chi nhánh và địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Mã số thuế
1	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp.	Số 81A, Ấp 1, Quốc lộ 60, khu phố 1, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long.	1300107725-002
2	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng.	Số 103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long.	1300107725-003
3	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Giồng Trôm.	Số 005, Khu phố 3, xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long.	1300107725-004
4	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Chợ Lách.	Ấp Tân Phú, xã Phú Phụng, tỉnh Vĩnh Long.	1300107725-005
5	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Mỏ Cày.	Ấp Mỹ Đức, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	1300107725-006
6	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Phú Tân.	Số 81A, QL60, Khu phố 1, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	1300107725-007

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 272 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 284 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán đồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.
Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Quỹ tiền lương

Quỹ lương cán bộ công nhân viên và người quản lý trong năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Tre được thực hiện theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Tre ngày 26/03/2026 thông qua 2 nội dung: Báo cáo xác định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025; Xác định mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2025 của thành viên Ban điều hành, Quỹ tiền lương thực hiện 2025 của Ban điều hành và người lao động.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tạm trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm: vật tư, nước sạch thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, thành phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng hoạt động xây dựng đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Dự án đầu tư Nhà máy nước An Hiệp và Dự án Hệ thống phân phối nước sạch huyện Mỏ Cày Bắc và huyện Mỏ Cày Nam (miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm 2017 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2021).

19. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm nay trên Bảng cân đối kế toán và số dư năm trước trên Báo cáo kết quả kinh doanh được trình bày lại theo số liệu trên Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX ngày 28/07/2025. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Số dư cuối năm trước	Số đầu năm nay trình bày lại	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2) – (1)
A. Tài sản ngắn hạn	100	**93.471.161.810**	**93.598.950.656**	**127.788.846**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	**2.022.302.613**	**2.150.091.459**	**127.788.846**
Phải thu ngắn hạn khác	136	175.104.110	302.892.956	127.788.846
B. Tài sản dài hạn	200	**454.536.579.086**	**454.555.187.750**	**18.608.664**
II. Tài sản cố định	220	**425.477.388.338**	**425.495.997.002**	**18.608.664**
- Nguyên giá	222	971.457.139.945	971.457.139.945	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(546.145.103.205)	(546.126.494.541)	18.608.664
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	**548.007.740.896**	**548.154.138.406**	**146.397.510**
C. Nợ phải trả	300	**89.995.675.765**	**90.532.198.658**	**536.522.893**
I. Nợ ngắn hạn	310	**44.520.157.483**	**45.056.680.376**	**536.522.893**
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.046.633.594	3.583.156.487	536.522.893
D. Vốn chủ sở hữu	400	**458.012.065.131**	**457.621.939.748**	**(390.125.383)**
I. Vốn chủ sở hữu	410	**458.012.065.131**	**457.621.939.748**	**(390.125.383)**
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	52.997.536.662	52.607.411.279	(390.125.383)
Lợi nhuận sau thuế chưa phối kỳ này	421b	41.237.536.662	40.847.411.279	(390.125.383)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	**548.007.740.896**	**548.154.138.406**	**146.397.510**

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm trước	Số năm trước trình bày lại	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2) – (1)
Giá vốn hàng bán	11	89.020.344.930	89.509.534.381	489.189.451
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	**153.316.458.168**	**152.827.268.717**	**(489.189.451)**
Chi phí bán hàng	25	56.058.073.943	56.039.465.279	(18.608.664)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	**69.446.694.028**	**68.976.113.241**	**(470.580.787)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	**69.740.072.516**	**69.269.491.729**	**(470.580.787)**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	11.962.535.854	11.882.080.450	(80.455.404)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	**57.777.536.662**	**57.387.411.279**	**(390.125.383)**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.764	1.678	(86)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.764	1.678	(86)

Chỉ tiêu trên Báo cáo bộ phận trình bày theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày lại như sau

CHỈ TIÊU	Số năm nay trên báo cáo năm trước	Số năm trước trình bày lại trên báo cáo năm nay	Chênh lệch
	(1)	(2)	(3) = (2) – (1)
Doanh thu kinh doanh nước sạch	242.336.803.098	242.336.803.098	-
Giá vốn kinh doanh nước sạch	89.020.344.930	89.509.534.381	489.189.451
Lãi gộp hoạt động kinh doanh nước sạch	**153.316.458.168**	**152.827.268.717**	**(489.189.451)**

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	3.104.319	1.849.796
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.826.788.144	76.280.829.236
- Các khoản tương đương tiền (*)	22.205.135.646	2.000.000.000
Cộng	**56.035.028.109**	**78.282.679.032**

(*) Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn NH TMCP Công Thương	20.205.135.646	-
- Tiền gửi có kỳ hạn NH TMCP Nam Á	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	**22.205.135.646**	**2.000.000.000**

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	***757.934.488***	***989.383.616***
- Phải thu tiền nước của các hộ dân(*)	757.934.488	605.759.597
- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bến Tre	-	267.155.947
- Ban QLDA ĐTXD các CT NN&PTNT Tỉnh BT	-	116.468.072
Cộng	**757.934.488**	**989.383.616**

(*) Tại ngày 31/12/2025, nợ quá hạn chưa thu hồi số tiền là 487.737.105 đồng.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước các bên liên quan	-	-
Trả trước các cá nhân, tổ chức khác	*5.109.020.930*	*857.814.887*
- Công ty CP Khoan và Xây lắp Cấp thoát nước	2.230.731.814	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng CTN & MT Waseen	1.504.035.036	-
- Các nhà cung cấp khác	1.374.254.080	857.814.887
Cộng	**5.109.020.930**	**857.814.887**

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu (*)	10.635.602.758	-	11.847.627.291	-
- Công cụ, dụng cụ	16.694.702	-	17.128.586	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	2.000.000	-
Cộng	**10.652.297.460**	**-**	**11.866.755.877**	**-**

(*) Nguyên vật liệu chủ yếu là các thiết bị về ngành nước (ống nước, thủy lượng kế,...).

5. Chi phí trả trước

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là khoản chi phí mua bảo hiểm.

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí đồng hồ gắn và thay mới thủy lượng kế	21.366.879.957	17.255.489.729
- Chi phí trả trước dài hạn khác	7.864.876.379	5.816.046.424
Cộng	**29.231.756.336**	**23.071.536.153**

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	**23.071.536.153**	**19.061.999.069**
Tăng trong năm	23.359.406.068	18.555.828.956
Phân bổ trong năm	(17.199.185.885)	(14.546.291.872)
Số dư cuối năm	**29.231.756.336**	**23.071.536.153**

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	**220.373.706.711**	**84.579.742.776**	**660.026.502.573**	**6.477.187.885**	**971.457.139.945**
Tăng trong năm	6.658.279.181	13.263.562.726	19.576.202.368	-	39.498.044.275
- Mua trong năm	-	*175.280.000*	-	-	*175.280.000*
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*6.658.279.181*	*13.088.282.726*	*19.576.202.368*	-	*39.322.764.275*
Giảm trong năm	(139.286.992)	(1.099.427.805)	(1.279.574.186)	(2.132.217)	(2.520.421.200)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(1.010.000.000)*	-	*(1.010.000.000)*
- Giảm khác	*(139.286.992)*	*(1.099.427.805)*	*(269.574.186)*	*(2.132.217)*	*(1.510.421.200)*
Số cuối năm	**226.892.698.900**	**96.743.877.697**	**678.323.130.755**	**6.475.055.668**	**1.008.434.763.020**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	*55.409.495.069*	*17.119.770.579*	*184.830.404.663*	*655.494.546*	*258.015.164.857*
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	**117.988.587.713**	**51.129.182.414**	**373.028.866.563**	**3.979.857.851**	**546.126.494.541**
Tăng trong năm	7.664.359.266	7.208.397.516	25.099.713.229	743.881.999	40.716.352.010
- Khấu hao	*7.664.359.266*	*7.208.397.516*	*25.099.713.229*	*743.881.999*	*40.716.352.010*
Giảm trong năm	(78.558.646)	(1.061.031.793)	(1.083.311.323)	-	(2.222.901.762)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(1.010.000.000)*	-	*(1.010.000.000)*
- Giảm khác	*(78.558.646)*	*(1.061.031.793)*	*(73.311.323)*	-	*(1.212.901.762)*
Số cuối năm	**125.574.388.333**	**57.276.548.137**	**397.045.268.469**	**4.723.739.850**	**584.619.944.789**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	***102.385.118.998***	***33.450.560.362***	***286.997.636.010***	***2.497.330.034***	***425.330.645.404***
Số cuối năm	***101.318.310.567***	***39.467.329.560***	***281.277.862.286***	***1.751.315.818***	***423.814.818.231***
Giá trị còn lại tài sản cầm cố, thế chấp (Xem tại thuyết minh số V.15)	*57.659.319.030*	*4.828.297.780*	*124.796.224.028*	-	*187.283.840.838*

7. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình, phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	**1.513.000.000**	**1.513.000.000**
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	**1.513.000.000**	**1.513.000.000**
Trong đó:		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	*1.338.000.000*	*1.338.000.000*
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	**1.347.648.402**	**1.347.648.402**
Khấu hao trong năm	58.333.333	58.333.333
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	**1.405.981.735**	**1.405.981.735**
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	***165.351.598***	***165.351.598***
Số cuối năm	***107.018.265***	***107.018.265***

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	*3.361.560.703*	*(3.352.931.073)*	*(4.000.000)*	*4.629.630*
Xây dựng cơ bản dở dang	*5.897.252.255*	*32.005.239.465*	*(35.772.195.383)*	*(431.652.271)*	*1.698.644.066*
Lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới	278.670.761	5.731.105.590	(5.972.221.300)	(37.555.051)	-
Cụm xử lý 5.000m3/ngày đêm năm 2024 - Chi nhánh CN Phú Tân	307.493.434	8.803.434.705	(9.110.928.139)	-	-
- Các công trình khác	5.311.088.060	17.470.699.170	(20.689.045.944)	(394.097.220)	1.698.644.066
Sửa chữa lớn TSCĐ	*90.402.340*	*2.241.235.207*	*(62.838.872)*	*(2.268.798.675)*	-
Cộng	**5.987.654.595**	**37.608.035.375**	**(39.187.965.328)**	**(2.704.450.946)**	**1.703.273.696**

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	*2.969.592.536*	*2.331.857.315*
- Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Bến Tre	532.944.081	575.519.935
- Công ty TNHH Thương mại N.T.P	697.140.000	-
- Công ty CP SX & TM NID	509.176.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.230.332.455	1.756.337.380
Cộng (*)	**2.969.592.536**	**2.331.857.315**

(*) *Tại ngày 31.12.2025 không có các khoản nợ quá hạn.*

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là các khoản nhận ứng trước tiền cung cấp nước sạch tại các huyện.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT đầu ra	247.633.084	-	2.971.603.842	(3.219.236.926)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.953.087.725	-	11.288.783.324	(11.562.436.955)	1.679.434.094	-
- Thuế thu nhập cá nhân	37.551.306	-	358.806.643	(324.296.150)	72.061.799	-
- Thuế tài nguyên	696.124.923	-	1.483.799.802	(1.465.532.943)	714.391.782	-
- Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
- Phí bảo vệ môi trường	509.815.717	-	6.284.937.251	(6.303.165.464)	491.587.504	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	75.525	108.250.526	(180.944.942)	-	72.769.941
- Các loại thuế khác	138.943.732	-	363.857.303	(502.801.035)	-	-
Cộng	**3.583.156.487**	**75.525**	**22.869.038.691**	**(23.567.414.415)**	**2.957.475.179**	**72.769.941**

11a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

11b. Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.309.146.695	69.269.491.729
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	309.064.313	228.372.189
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	65.618.211.008	69.497.863.918
Thu nhập được ưu đãi thuế (*)	18.348.588.773	20.174.923.339
+ Thu nhập được giảm 50% thuế	*18.348.588.773*	*20.174.923.339*
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	13.123.642.202	13.899.572.784
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	(1.834.858.878)	(2.017.492.334)
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**11.288.783.324**	**11.882.080.450**

(*) *Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khi thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế Tỉnh Bến Tre. Bao gồm: Dự án đầu tư Nhà máy nước An Hiệp và Dự án Hệ thống phân phối nước sạch huyện Mỏ Cày Bắc và huyện Mỏ Cày Nam (miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm 2017 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2021).*

12. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương còn phải trả cho viên chức quản lý và cán bộ công nhiên viên.

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Viên chức quản lý, kiểm soát viên	1.777.040.112	1.413.638.593
- Cán bộ công nhân viên	7.820.276.825	5.671.410.781
Cộng	**9.597.316.937**	**7.085.049.374**

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả của các ngân hàng.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	*88.532.138*	*696.455.982*
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	86.934.526	97.146.732
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.597.612	599.309.250
Cộng	**88.532.138**	**696.455.982**

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	**16.011.100.000**	**16.011.100.000**	**27.135.100.000**	**27.135.100.000**
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre (1)	6.608.000.000	6.608.000.000	18.512.000.000	18.512.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bến Tre (2)	5.087.100.000	5.087.100.000	5.087.100.000	5.087.100.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (3)	4.316.000.000	4.316.000.000	3.536.000.000	3.536.000.000
Cộng	**16.011.100.000**	**16.011.100.000**	**27.135.100.000**	**27.135.100.000**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển từ vay dài hạn sang	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Nợ dài hạn đến hạn trả	27.135.100.000	-	16.011.100.000	(27.135.100.000)	16.011.100.000
Cộng	**27.135.100.000**	**-**	**16.011.100.000**	**(27.135.100.000)**	**16.011.100.000**

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	**36.464.418.282**	**36.464.418.282**	**45.475.518.282**	**45.475.518.282**
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre (1)	-	-	6.608.000.000	6.608.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bến Tre (2)	18.194.162.000	18.194.162.000	23.281.262.000	23.281.262.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (3)	18.270.256.282	18.270.256.282	15.586.256.282	15.586.256.282
Cộng	**36.464.418.282**	**36.464.418.282**	**45.475.518.282**	**45.475.518.282**

(1) Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Khoản vay bằng vốn ODA theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính (thay mặt cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) và Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre ngày 28/08/1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/04/2008.

- Hạn mức: 64.836.778.484 đồng;
- Thời hạn vay: 25 năm (ân hạn 5 năm từ ngày rút vốn đầu tiên của khoản vay vốn phụ);
- Lãi suất: 5%/năm;

- Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 03/2010/HĐCTS-NHPT-PC ngày 06/09/2010 gồm tài sản hình thành trong tương lai và trụ sở làm việc. Chi tiết xem tại Thuyết minh số V.6 – Tài sản cố định hữu hình;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025 là 2.158.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2026 là 2.158.000.000 đồng.

b) Khoản vay bằng vốn ODA do Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) tài trợ theo hợp đồng số 01/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 23/04/2013, hợp đồng sửa đổi số 01A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 19/06/2013, phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐODA-NHPTVN ngày 18/04/2014, hợp đồng sửa đổi số 02A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 02/07/2014

- Hạn mức: 177.360.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 15 năm (ân hạn 2,5 năm từ ngày giải ngân lần đầu);
- Lãi suất: 5%/năm (trong hạn), 7,5%/năm (quá hạn);
- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nước An Hiệp huyện Châu Thành giai đoạn 1, công suất 15.000 m3/ngày;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai. Chi tiết xem tại thuyết minh số V.6 – Tài sản cố định hữu hình;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025 là 4.450.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2026 là 4.450.000.000 đồng;

(2) Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 27873.069/2022-HĐCVDADT/NHCT780005-BEWACO ngày 30/12/2022.

- Hạn mức: 16.500.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Lãi suất: 11%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn);
- Mục đích vay: Vay bù đắp;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai. Chi tiết xem tại thuyết minh số V.6 – Tài sản cố định hữu hình;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025 là 9.888.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2026 là 2.472.000.000 đồng.

b) Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 38670.084/2023-HĐCVDADT/NHCT78005-BEWACO ngày 29/12/2023.

- Hạn mức: 25.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Lãi suất: 11%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn);
- Mục đích vay: Vay bù đắp;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai. Chi tiết xem tại thuyết minh số V.6 – Tài sản cố định hữu hình;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025 là 10.357.144.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2026 là 2.071.428.000 đồng.

c) Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 14911.028/2024-HĐCVDADT/NHCT78005-BEWACO ngày 02/08/2024.

- Hạn mức: 3.743.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Lãi suất: 9%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn);
- Mục đích vay: Vay bù đắp;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai từ các dự án. Chi tiết xem tại thuyết minh số V.6 – Tài sản cố định hữu hình;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025 là 3.036.118.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2026 là 543.672.000 đồng.

(3) Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 01/2023/7928997/HĐTD ngày 20/06/2023.

- Hạn mức: 23.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Lãi suất: 8,7%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn);
- Mục đích vay: Vay thi công Gói 2: Ống CN D400 và D315 Dự án:Tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai. Chi tiết xem tại thuyết minh số V.6 – Tài sản cố định hữu hình;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025 là 15.586.256.282 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2026 là 3.536.000.000 đồng.

b) Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 01/2025/7928997/HĐTD ngày 25/03/2025

- Hạn mức: 7.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 84 tháng
- Lãi suất: 8,8%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn)
- Mục đích vay: vay thi công công trình: Cụm xử lý nước 5.000m3 ngày đêm Chi nhánh Cấp nước Phú Tân.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025 là 7.000.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2026 là 780.000.000 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển sang nợ ngắn hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn	45.475.518.282	7.000.000.000	(16.011.100.000)	-	36.464.418.282
Cộng	**45.475.518.282**	**7.000.000.000**	**(16.011.100.000)**	**-**	**36.464.418.282**

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.614.704.794	8.233.002.952	7.020.000	(7.386.151.535)	4.468.576.211
Quỹ khen thưởng ban điều hành	110.000.000	674.401.353	-	(404.401.353)	380.000.000
Cộng	**3.724.704.794**	**8.907.404.305**	**7.020.000**	**(7.790.552.888)**	**4.848.576.211**

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	188.160.000.000	64,00	188.160.000.000	64,00
- Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	51.095.100.000	17,38	51.095.100.000	17,38
- Công ty TNHH Hoàn Cầu	44.100.000.000	15,00	44.100.000.000	15,00
- Khác	10.644.900.000	3,62	10.644.900.000	3,62
Cộng	**294.000.000.000**	**100,00**	**294.000.000.000**	**100,00**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	294.000.000.000	294.000.000.000	-
Cộng	**294.000.000.000**	**294.000.000.000**	**-**

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	294.000.000.000	294.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	294.000.000.000	294.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích lập	47.040.000.000	35.280.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(47.040.000.000)	(35.280.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải chi	-	-

17d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	29.400.000	29.400.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*29.400.000*	*29.400.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.400.000	29.400.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*29.400.000*	*29.400.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP

17e. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

17f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 26/06/2025.

• Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2024	:	47.040.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024	:	1.953.002.952
• Trích quỹ thưởng ban điều hành năm 2024	:	184.401.353
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2024	:	3.820.132.357
Cộng		**52.997.536.662**

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 26/06/2025.

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025	:	6.280.000.000
• Trích quỹ thưởng ban điều hành năm 2025	:	490.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2025	:	11.830.000.000
Cộng		**18.600.000.000**

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

18a. Tài sản nhận giữ hộ

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên giá của tài sản cố định nhận giữ hộ (*)	15.258.623.359	15.258.623.359

(*) Những công trình từ nguồn vốn ngân sách, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre bàn giao cho Công ty giữ hộ.

18b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	808.505.114	809.432.679

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1 Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp nước sạch	240.315.940.078	240.359.840.976
- Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước	940.629.578	1.155.510.286
- Doanh thu từ hoạt động thu phí BVMT	646.598.482	656.705.580
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.515.102	164.746.256
Cộng	**241.933.683.240**	**242.336.803.098**

1.2 Doanh thu các bên liên quan

Trong năm, không phát sinh doanh thu với bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn cung cấp nước sạch	81.142.172.135	87.785.533.006
- Giá vốn thi công tuyến cấp thoát nước	929.102.968	1.149.344.779
- Giá vốn từ hoạt động thu phí BVMT	430.905.718	416.106.878
- Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.582.609	158.549.718
Cộng	**82.513.763.430**	**89.509.534.381**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Toàn bộ là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí tài chính

Toàn bộ là chi phí lãi vay các ngân hàng.

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	13.826.310.021	11.459.748.085
- Chi phí vật liệu, công cụ	19.697.268.702	16.797.251.759
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.712.653.465	26.127.618.171
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	315.472.206	190.821.487
- Chi phí bằng tiền khác	3.147.583.731	1.464.025.777
Cộng	**63.699.288.125**	**56.039.465.279**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	19.575.795.750	12.840.902.712
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.430.044.148	1.465.103.131
- Chi phí phân bổ	3.316.902.873	2.813.119.287
- Thuế, phí và lệ phí	20.223.938	33.304.309
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	966.540.154	890.748.869
- Chi phí bằng tiền khác	3.371.417.866	3.488.983.378
Cộng	**28.680.924.729**	**21.532.161.686**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ – vật tư	1.143.508.946	-
- Thu nhập khác	2.028.928.682	521.038.297
Cộng	**3.172.437.628**	**521.038.297**

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.288.783.324	11.882.080.450
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**11.288.783.324**	**11.882.080.450**

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.020.363.371	57.387.411.279
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.770.000.000)	(8.057.404.305)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.770.000.000)	(8.057.404.305)
+ Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành (*)	*(6.770.000.000)*	*(8.057.404.305)*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.250.363.371	49.330.006.974
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	29.400.000	29.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) (**)	**1.607**	**1.678**

(*) Số quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành trong kỳ là số tạm tính tỷ lệ nêu trong Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 26/06/2025. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.020.363.371	57.387.411.279
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.770.000.000)	(8.057.404.305)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.770.000.000)	(8.057.404.305)
+ Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành (*)	*(6.770.000.000)*	*(8.057.404.305)*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.250.363.371	49.330.006.974
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) (**)	29.400.000	29.400.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (cổ phiếu)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	**1.607**	**1.678**

(*) Số quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành trong kỳ là số tạm tính tỷ lệ nêu trong Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 26/06/2025. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) được tính như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	29.400.000
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**29.400.000**

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.192.656.120	49.851.316.955
- Chi phí nhân công	44.795.554.391	41.891.737.868
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.774.685.343	39.511.150.178
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.594.757.209	8.435.902.669
- Chi phí bằng tiền khác	31.536.323.221	27.391.053.676
Cộng	**174.893.976.284**	**167.081.161.346**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	603.585.252	616.556.160
Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc	638.229.276	583.228.800
Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc	569.217.672	520.164.384
Phan Thành Nhân	Phó Tổng Giám Đốc	569.217.672	520.164.384
Lê Văn Phong	Trưởng BKS	502.987.716	520.164.384
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	519.720.492	474.932.711
Cộng		**3.402.958.080**	**3.235.210.823**

Thù lao	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT	81.000.000	-
Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT	81.000.000	-
Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	81.000.000	60.000.000
Nguyễn Thy Phương	Thành viên HĐQT	81.000.000	60.000.000
Nguyễn Đình Huấn	Thành viên BKS	81.000.000	54.000.000
Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	81.000.000	54.000.000

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Cộng		**486.000.000**	**228.000.000**

Cổ tức	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	12.432.000	9.324.000
Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc	10.080.000	7.560.000
Phan Thanh Bình	Phó Tổng Giám Đốc	2.184.000	1.638.000
Phan Thành Nhân	Phó Tổng Giám Đốc	27.384.000	20.538.000
Lê Văn Phong	Trưởng BKS	21.168.000	15.876.000
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	33.384.000	25.038.000
Cộng		**106.632.000**	**79.974.000**

3b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Cổ đông sở hữu 64,00 % cổ phần
- Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	Cổ đông sở hữu 17,38 % cổ phần
- Công ty TNHH Hoàn Cầu	Cổ đông sở hữu 15,00 % cổ phần

Giao dịch với các bên liên quan khác trong năm gồm:

	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre		
- Trả cổ tức	30.105.600.000	22.579.200.000
Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh		
- Trả cổ tức	8.175.216.000	6.131.412.000
Công ty TNHH Hoàn Cầu		
- Trả cổ tức	7.056.000.000	5.292.000.000

Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Cung cấp nước sạch;
- Thi công tuyến cấp thoát nước;
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

	Cung cấp nước sạch	Thi công tuyến cấp thoát nước	Hoạt động thu phí BVMT	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng	240.315.940.078	940.629.578	646.598.482	30.515.102	241.933.683.240
Giá vốn hàng bán	81.142.172.135	929.102.968	430.905.718	11.582.609	82.513.763.430
Lãi gộp	**159.173.767.943**	**11.526.610**	**215.692.764**	**18.932.493**	**159.419.919.810**
Tỷ lệ lãi gộp	***66,24%***	***1,23%***	***33,36%***	***62,04%***	***65,89%***
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng	240.359.840.976	1.155.510.286	656.705.580	164.746.256	242.336.803.098
Giá vốn hàng bán	87.913.321.852	1.021.555.933	416.106.878	158.549.718	89.509.534.381
Lãi gộp	**152.446.519.124**	**133.954.353**	**240.598.702**	**6.196.538**	**152.827.268.717**
Tỷ lệ lãi gộp	***63,42%***	***11,59%***	***36,64%***	***3,76%***	***63,06%***

4b. Khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp cho đơn vị khác cũng như tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Vĩnh Long, ngày 27 tháng 3 năm 2026.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
NGUYỄN DUY HIỀN	VÕ THỊ THIÊN TRANG	TRẦN HÙNG

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2024	294.000.000.000	95.062.767.223	53.552.364.409	442.615.131.632
Tăng trong năm	-	15.951.761.246	57.387.411.279	73.339.172.525
- *Bổ sung từ lợi nhuận*		15.951.761.246	-	15.951.761.246
- *Lãi trong năm*	-	-	57.387.411.279	57.387.411.279
Giảm trong năm	-	-	(58.332.364.409)	(58.332.364.409)
- *Trích quỹ đầu tư phát triển theo phân phối lợi nhuận năm 2023*		-	(5.331.761.246)	(5.331.761.246)
- *Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023*		-	(1.016.002.379)	(1.016.002.379)
- *Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2023*		-	(164.600.784)	(164.600.784)
- *Chia cổ tức từ lợi nhuận còn lại của năm 2023*		-	(35.280.000.000)	(35.280.000.000)
- *Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024*		-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
- *Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2024*		-	(220.000.000)	(220.000.000)
- *Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2024*		-	(10.620.000.000)	(10.620.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	294.000.000.000	111.014.528.469	52.607.411.279	457.621.939.748
Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2025	294.000.000.000	111.014.528.469	52.607.411.279	457.621.939.748
Tăng trong năm	-	15.650.132.357	54.020.363.371	69.670.495.728
- *Bổ sung từ lợi nhuận*		15.650.132.357	-	15.650.132.357
- *Lãi trong năm*	-	-	54.020.363.371	54.020.363.371
Giảm trong năm	-	-	(71.597.536.662)	(71.597.536.662)
- *Trích quỹ đầu tư phát triển theo phân phối lợi nhuận năm 2024*		-	(3.820.132.357)	(3.820.132.357)
- *Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024*		-	(1.953.002.952)	(1.953.002.952)
- *Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2024*		-	(184.401.353)	(184.401.353)
- *Chia cổ tức từ lợi nhuận của năm 2024*		-	(47.040.000.000)	(47.040.000.000)
- *Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025*		-	(6.280.000.000)	(6.280.000.000)
- *Trích Quỹ thưởng Ban điều hành năm 2025*		-	(490.000.000)	(490.000.000)
- *Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2025*		-	(11.830.000.000)	(11.830.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	294.000.000.000	126.664.660.826	35.070.237.988	455.694.898.814

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu | Kế toán trưởng | CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN DUY HIỀN | VÕ THỊ THIÊN TRANG | TRẦN HÙNG

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 04 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRẦN HÙNG

Trần Hùng

Digitally signed by Trần Hùng
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CCCD:083072000742, CN=Trần Hùng, T=Chủ tịch HĐQT, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE, O=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE, L=Thành phố Bến Tre, S=Vĩnh Long, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-16 09:39:32

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ : Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long

Website : *www.capnuocbentre.vn*

Email : *infobewaco@gmail.com*

Số điện thoại : (0275) 3811 533 - 3825 727